BÀI GIẢNG

TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

NGUYỄN THỊ THU HÀ

BÀI 1. LUYỆN CHỮA CÁC LỖI CHÍNH TẢ

Mục tiêu: - Biết phát hiện và sửa chữa lỗi chính tả thường gặp

- Có kỹ năng tránh các lỗi về chính tả.

1. Khái niệm: Chính tả là phép viết đúng chữ viết theo chuẩn mực: đúng với truyền thống sử dụng chữ viết bản thân được xã hội thừa nhận đúng với hệ thống văn tự của một ngôn ngữ.

Bản chất của chính tả là sự phiên tiếng thành chữ, là hệ thống các qui tắc xác lập các phương thức để chuyển lời nói sang chữ viết. Mỗi ngôn ngữ có cách riêng trong việc phiên âm thành chữ, nói cách khác, mỗi ngôn ngữ có một hệ thống chính tả riêng của mình.

Phải luôn luôn có ý thức viết đúng chính tả, vì nét chữ là nét người, vì viết cẩn thận, viết đúng là thể hiện thái độ yếu mềm chữ viết, giữ gìn sự thống nhất đất nước về mặt chữ viết và tôn trọng người đọc.

2. Một số lỗi chính tả thường gặp

2.1. Nguyên nhân: có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc mắc lỗi chính tả. Có thể:

- Do người viết cẩu thả

- Thiếu hiểu biết về các quy tắc chính tả, không nhớ chính xác mặt chữ nên đành nói sao viết vậy. Sự tồn tại của nhiều địa phương dẫn đến cách phát âm theo giọng địa phương chi phối nhiều đến viết chữ. Vì vậy, điều này xảy ra bởi một lẽ đơn giản là người viết đinh ninh rằng giữa âm thanh và chữ viết bao giờ cũng có sự tương ứng.

Người Việt, tuỳ theo phương ngữ của mình mà thường mắc phải những lỗi khác nhau.

2.2. Các lỗi chính tả thường gặp và cách chữa

2.2.1. Lỗi về thanh điệu:

Lỗi chủ yếu là lẫn lộn dấu hỏi ? và dấu ~. Lỗi này phổ biến ở Trung bộ và Nam bộ nơi mà cách phát âm không có sự phân biệt hai âm này. Để chữa lỗi này có thể dùng một số mẹo sau:

a. Mẹo tương ứng thanh điệu

Hỏi – sắc – không

VD: *ngớ ngẩn, trắng trẻo, rải rác: /+ ?*

rên rỉ, hỏi han: ?+ _

Huyền – ngã – nặng

Bẽ bàng, lỡ làng, dễ dàng: ~ + \cãi cọ, gặp gỡ: ~+

b. Mẹo tương ứng thanh điệu viết đúng trường hợp biến âm

\ ~ .

VD: Ngỡ - ngờ

Đỗ - đậu

Giẫm – giậm

Chĩa- chìa

Mão- mẹo

Dẫu - dầu

? / _

VD: Thả- tha

Chửa- chưa

Cảm ơn- cám ơn

Rải- rưới

Cản – can

*C Mẹo "**M**ình **N**ên **Nh**ớ **V**iết **L**à **D**ấu **Ng**ã" từ Hán Việt*

VD:

- *M: mẫn cán, mãnh liệt, mẫu số, mãn khoá, miễn phí*
- *N: nữ nhi, nỗ lực, truy nã, não trạng*
- *Nh: nhẫn nại, truyền nhiễm, nhãn quan, tham nhũng*
- *V: uy vũ, vĩ độ, viễn thị, vãng lai*

- *L: lữ khách, lễ nghi, lão khoa*
- *D: dã chiến, dẫn xuất, dưỡng sinh, anh dung*
- *Ng: bản ngã, ngoại ngữ, ngưỡng mộ, nghĩa hiệp, quân ngũ*
- *(ngoại lệ: 20 , ngải cứu)*

2.2.2. Lỗi âm đầu:

L- N→ phương ngữ Bắc Bộ

- Mẹo âm đệm: L+ W (âm đệm), N + $\emptyset\ W\ (trừ\ noãn)$
- Loa, luẩn quẩn, loé, luyến láy, luỹ thừa, luyện tập
- Mẹo đồng nghĩa: lài – nhài, lặt – nhặt, lời – nhời, lầm – nhầm, lanh – nhanh, lem – nhem, lố lăng- nhố nhăng, lấp láy – nhấp nháy

  → khi chưa viết viết L hay N, mà thấy đồng nghĩa với 1 từ viết với Nh→ viết L

Tr- ch: phân vân, nếu có từ đồng nghĩa viết bằng gi→ viết với tr

- Tranh – giành
- Trùn – giun
- Tro – gio
- Trồng – giồng
- Trời – giời
- Trả - giả
- Tra – già
- Trầu – giầu
- Trăng – giăng
- Trở mặt – giở mặt
- Tranh – gianh
- Trương - giương

2.2.3. Lỗi về vần

Lẫn lộn: *ươu- iêu, ưu- iu:* Bắc

- VD: Bươu đầu – biêu đầu

(Hán Việt không viết với ươu*)*

- Bưu điện→ biu điện

Nam*: ươu- ưu*

VD: *Bướu cổ → bứu cổ*

Hươu → hưu

Rượu → rựu

2.2.4. Lỗi phụ âm cuối: *n – ng, c- t* Trung + Nam

VD:

- *Man mát và man mác?*
- *Bàn bạc – bàng bạc?*

→ Mẹo : liên hệ đồng nghĩa, gần nghĩa

- *N: An – yên, buồn – muộn, lằn- hằn, ngàn – nghìn, chán – nản – ngán, can – cản, cuốn - quyển*
- *Ng: đang – đương, vàng – hoàng, sảng – hoảng, kháng – chống, buồng – phòng, làng – hương*
- *T: viết – bút, cắt – gặt, hạt – hột, ngạt – ngột, sát – giết, mẹt – trẹt*
- *C: phước – phúc, tạc- đúc*

2.3. Một số lưu ý khác:

*** i/y**

- Văn bản quy định:
- *Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục* ban hành ngày 30-11-1980 (gọi tắt là *Quy định 1980*), do Thứ trưởng Bộ Giáo dục Võ Thuần Nho và Phó Chủ nhiệm UBKHXH Phạm Huy Thông ký.
  - Nhất thể viết i
  - Ngoại trừ: Đi sau đệm: *thuỷ mặc, huy chương*

- Đứng 1 mình, hoặc không có phụ âm đầu*: y tế, ý nghĩa* (trừ theo thói quen: *í ới, ỉ ôi, ầm ĩ, ít ỏi…)*

- *Ưu điểm khi viết i: i ngắn* và *y dài* trong các trường hợp trên đều ghi âm /i/ nên bản chất không có gì khác nhau cả→ nhập làm 1 cho nhất quán và giản tiện
- Hạn chế:
  - Mất đi sự phân biệt thuần Việt – Hv: trước đây, các yếu tố HV viết bằng y: *lý sự, kỷ niệm, ty cảnh sát*; Thuần Việt viết : *lí nhí, sờ ti*

  - Nhiều trường hợp, kém thẩm mĩ: sờ ti, công ti, Kỳ (tên riêng, trong kỳ vọng) nếu viết Kì→ liên tưởng *kì cọ), tạo cảm giác ít trang trọng*

  - mất đi sự phong phú: đặt tên Tí (bé tí), Tý (sinh năm chuột)

*** Viết hoa tên tổ chức đoàn thể**

- Viết hoa chữ cái đầu của mỗi từ có giá trị khu biệt trong tổ hợp đó
- Trường Đại học Sư phạm Huế
- Trường Tiểu học Nguyễn Du, Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp

BÀI TẬP: Chọn từ đúng chính tả

- *Nghỉ ngơi – nghĩ ngơi*
- *Nghĩ ngợi – nghỉ ngợi*
- *Giày dép – giày giép – dày dép – dày giép*
- *Đỗ vỡ - đổ vở - đổ vỡ- đỗ vở*
- *Mã lực – mả lực – mã lựt- mả lựt*
- *Lãng mạn – lãng mạng – lảng mạng – lãn mạng*

BÀI 2. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ

Mục tiêu:

- Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng dùng đúng từ xét từ các bình diện: ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, cấu tạo và phong cách ngôn ngữ
- Biết phát hiện, phân tích và sửa lỗi về từ.
- Phát triển năng lực dùng từ chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp từ đó nâng cao năng lực tư duy và khả năng diễn đạt.

1. Giản yếu về từ

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có thể dùng độc lập để cấu tạo câu. Mỗi từ là một phúc thể có nhiều bình diện: bình diện ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, cấu tạo, phong cách, phạm vi sử dụng . . .

Từ là đơn vị ngôn ngữ đã có sẵn, thuộc kho từ vựng của ngôn ngữ, tồn tại trong tiềm năng ngôn ngữ của mỗi người, là tài sản chung của xã hội.

2. Phân loại:

- Về cấu tạo, Tiếng việt có từ đơn và từ phức.

Từ phức lại bao gồm: từ ghép và từ láy.

Ví dụ:- Ăn, đi, hoa, ghế, xấu đẹp c từ đơn

- Áo quần, thuyền bè, thương yêu → từ ghép.

- Về mặt quan hệ ngữ nghĩa, có thể chia từ thành từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.

Ví dụ:- Sống >< chết, xấu >< đẹp: từ trái nghĩa

- cho, tặng, biếu, thí: đồng nghĩa (dĩ nhiên khác nhau về sắc thái)

- bò (động từ) – bò (danh từ) → từ đồng âm

- Về mặt ngữ pháp, có thể chia từ thành danh từ, động từ, tính từ

- Về mặt nguồn gốc có thể chia từ thành

+ Từ thuần việt: nghèo, khoẻ, sông núi.

+ Từ mượn: từ gốc Hán (sơn, quốc gia, vĩ đại . . .), từ gốc Ấn – Âu (mít tinh, cà rốt, cao su, cà phê, . . .)

- Về mặt phạm vi sử dụng:

- Phạm vi địa lý: + từ toàn dân (sao, này, kia, đâu)
  + từ địa phương (răng, ri, mô, tê)
- Phạm vi xã hội: các lớp từ dùng hạn chế về mặt xã hội: từ lóng, thuật ngữ (từ chuyên môn), từ nghề nghiệp.

- Về mặt phong cách, từ được chia thành từ đơn phong cách và từ đa phong cách.

+ Từ đơn phong cách: ẩn số, lượng giác, tích phân, vi phân, . . .

+ Từ đa phong cách: suy nghĩ, tốt, xấu, cây, hoa, . . .

Từ đa phong cách là những từ trung hoà về mặt phong cách, nghĩa là nó có thể được dùng trong nhiều loại phong cách khác nhau (phong cách nghệ thuật, phong cách chính luận, phong cách khoa học, . . .)

2. Những yêu cầu chung đối với việc dùng từ

2.1. Dùng từ phải đúng ngữ âm và hình thức cấu tạo

Chữ viết của ta chữ Quốc ngữ là thứ chữ ghi âm. Do vậy khi viết cần ghi đúng âm thanh và hình thức cấu tạo của từ. Nếu không, sẽ không biểu hiện được chính xác và không làm cho người đọc lĩnh hội được chính xác nội dung, ý nghĩa.

Nguyên nhân:

- Không nắm vững chính tả
- Quá trình tiếp thu ngôn ngữ ở gia đình, nhà trường và xã hội nhiều khi ta tiếp nhận từ ngữ bằng con đường thính giác vì vậy dễ bị nhầm lẫn dẫn đến chỗ ghi nhận vào ý thức của mình những diện mạo ngữ âm sai lệch (trong khi viết)

Ví dụ:Căng cứ - Căn cứ, Dòng xông – Dòng sông, bất chắc – bất trắc, chí lực – trí lực, bàng quang – bàng quan, gia nhân – giai nhân.

Mặc dù giữa âm thanh và ý nghĩa của từ chỉ mối quan hệ qui ước, do xã hội thoả thuận, một sự thoả thuận ngầm trong lịch sử những sự quy ước đó được các thế hệ tiếp tục duy trì và tôn trọng. Không ai có thể tuỳ tiện thay đổi mặt âm thanh và ý nghĩa của từ. Tuy nhiên khi nói hay viết, một

người có thể sáng tạo ra từ mới, với điều kiện từ đó phải phù hợp với hệ thống từ vựng tiếng việt, phù hợp với quy tắc cấu tạo từ của tiếng việt.

2.2. Dùng từ phải đúng về nghĩa.

Từ được dùng phải diễn đạt được chính xác nội dung mà người nói, người viết muốn thể hiện. Không đảm bảo được yêu cầu này người nói, người viết sẽ mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Ví dụ: Các chiến sĩ của chúng ta hết sức ngoan cố. Kẻ địch hết sức ngoan cường.

Ngoan cố - Ngoan cường

Nguyên nhân do người viết không nắm rõ ý nghĩa của từ.

2.3. Dùng từ phải thích hợp với phong cách ngôn ngữ của văn bản

Có những từ được dùng cho mọi phong cách ngôn ngữ, nhưng có những từ chỉ thích hợp hoặc chỉ được dùng trong một phong cách ngôn ngữ nào đó. Lớp từ địa phương là một ví dụ. Nó chỉ được dùng trong văn nói và có thể thích hợp với văn bản nghệ thuật khi tác giả muốn nhấn mạnh màu sắc địa phương, đặc trưng của vùng quê, đặc điểm của nhân vật.

Ví dụ:

*- Nỗi niềm chi **rứa** Huế ơi*

Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên

- Cả lũ cười vang bên ruộng bắp

*Nhìn **o** thôn nữ cuối nương dâu*

*- Răng **o** cô gái trên sông*

Ngày mai có sẽ từ trong tới ngoài

Khi dùng từ, cần có ý thức rõ về phong cách của văn bản để dùng từ cho phù hợp. Nếu không, sẽ dẫn đến mắc lỗi. Dùng từ của văn viết trong văn nói.

Ví dụ:- Bố đã ***trình bày*** hết ý của mình, các con đã hiểu chưa nào?

→ nên thay bằng từ nói

- Mày nhận ra tao không? Bản ***thuở thiếu thời*** đây mà!

→ nên nói: bạn nối khố

- Kính xin quí lãnh đạo xem xét cho nguyện vọng của tôi ***với***.

→ bỏ: với → phong cách khẩu ngữ không thích hợp với văn bản hành chính.

2.4. Đúng với đặc điểm ngữ pháp

Đặc điểm ngữ pháp của từ tiếng việt thể hiện ở kết hợp giữa nó với từ khác trong cụm từ, trong câu. Quan hệ này do bản chất ngữ nghĩa ngữ pháp của các từ qui định. Do đó, các từ phải kết hợp sao cho phù hợp về ý nghĩa + đặc điểm ngữ pháp. Nếu vi phạm sẽ dẫn đến những câu nói không chấp nhận được.

- Ngàn dâu ***rất xanh ngắt*** một màu

→ từ chỉ mức độ cao của xanh

- Do lượng mưa năm nay kéo dài nên đã gây nhiều thiệt hại cho mùa màng.

→ Quan hệ kết hợp giữa lượng mưa và kéo dài là không phù hợp.

(Sửa: lượng mưa . . . lớn

hoặc mùa mưa . . . kéo dài)

- Tôi lấy làm tự hào về chiến công của anh.
- Số người mắc và chết vì các bệnh truyền nhiễm đã giảm.
- Đối với thực dân Pháp, đó là ***thất bại đen tối*** nhất.

Quan hệ kết hợp giữa "thất bại" kết hợp với nặng nề, nhục nhã, ê chề . . . âm mưu/ ý đồ/ thủ đoạn kết hợp với đen tối.

2.5. Tránh dùng từ sáo, cũ, mòn

Bệnh sáo rỗng, công thức là bệnh mà người viết dùng những từ sẵn, điệu nói sẵn một cách máy móc, rập khuôn do lười suy nghĩa, không chịu bỏ công tìm tòi và khả năng ngôn ngữ hạn chế. Việc dùng những từ sáo rỗng như vậy dẫn đến những câu văn "đao to búa lớn" mà nghèo nàn, nhạt nhẽo, nhàm chán, hời hợt, không sâu, không đủ sức lôi cuốn người đọc.

Ví dụ: Cô ấy là người đã làm cho con tim tôi ***rỉ máu/ứa máu***

Tôi đã nếm trải bao ***vị đắng cuộc đời. Vị đời***, vì thế, không ngọt ngào như tôi tưởng.

Ông là vì sao rực sáng lung linh trên ***bầu trời thi ca*** Việt Nam.

2.6. Tránh lặp từ, thừa từ

- Lặp từ có thể là một phương thức liên kết các câu.

Ví dụ: ***Tre*** xung phong vào xe tăng, đại bác. ***Tre*** giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. ***Tre*** hi sinh để bảo vệ con người. ***Tre*** - anh hùng lao động. ***Tre*** – anh hùng chiến đấu. (Thép mới)

- Lặp từ để diễn đạt ý một cách chính xác

Ví dụ: ***Trứng*** cá chép có đường kính khoảng 1mm. ***Trứng*** sau khi đã thụ tinh gồm ***một*** đĩa mầm có nhiều tế bào và ***một*** khối noãn hoàng.

→ Nếu lặp từ mà không xuất phát từ những dụng ý trên thì sự trùng lặp đó là không cần thiết và ta đã phạm một lỗi dùng từ.

Ví dụ: ***Có thể*** nói Chí Phèo ***có thể*** trở thành người lương thiện nếu ***xã hội*** Chí Phèo sống là một ***xã hội*** khác

- ***Quá trình*** vượt núi cao là ***quá trình*** con người trưởng thành và lớn lên.

2.7. Dùng từ hay và sáng tạo

Dùng từ đúng là yêu cầu cơ bản trong quá trình luyện văn. Một yêu cầu cao hơn là dùng từ hay và sáng tạo. Một nhà văn Trung Quốc từng nói "Trong các sự vật mà ta muốn phê diễn, chỉ có mỗi một chữ đáng dùng mà thôi. Anh dám bảo là có hai chữ được ư? Tôi sẽ cho anh là người không thận trọng. Anh dám bảo là có ba chữ ư? Tôi sẽ cho anh là người chưa biết cách làm văn. Còn nếu anh dám bảo là có bốn, năm chữ đều dùng được đúng vào một chỗ thì tôi quả quyết cho anh là người dốt, người hoàn toàn dốt văn đấy"

Ví dụ: Nói về hoạt động giáo dục con người trong xã hội, Hồ Chủ Tịch đã sử dụng một cụm từ sáng tạo "trồng người':

"Vì lợi ích mười năm trồng cây

Vì lợi ích trăm năm trồng người"

- Thông thường nói về người ta sẽ dùng các từ: nuôi, dạy, giáo dục, bảo ban, nuôi dưỡng, . . .

- "trồng" thường được dùng để nói về hoạt động của con người đối với các loài cây: cắm cây, vùi cây giống xuống đất, chăm bón cây để cây sống, phát triển mang lại lợi ích cho con người. Nghĩa này được hiện thực hoá ở vế trồng người.
- Ở vế thứ 2, từ ***trồng*** được chuyển nghĩa chỉ hoạt động nuôi dạy, chăm sóc con người. Hoạt động đó tuy khác nhưng có phần giống với hoạt động trồng cây: không phải trồng cây xong là phó mặc cây cho đất + ánh sáng mặt trời, mà người trồng cần phải chăm bón, vun xới, tỉa lá, bắt sâu, uốn nắn, chở che có như vậy mới phát triển khoẻ mạnh cho hoa thơm quả ngọt.

Và sự nghiệp giáo dục con người cũng là một quá trình tương tự.

Bài tập

1) Xác định từ phù hợp với nghĩa sau:

- Tầng lớp có tài sản và mức sống ở mức giữa trong xã hội. (Trung lưu)
- Người đã qua tuổi thanh niên và chưa già (Trung niên)
- Đứng giữa 2 bên đối lập, không theo hoặc không phụ thuộc vào bên nào. (Trung lập).
- Ở giữa, có tính chất chuyển tiếp hoặc nối hai sự việc. (Trung gian)

2) Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ

- xanh/ xanh mướt/ xanh xao
- trắng/ trắng trẻo/ trắng bệch
- nho nhỏ/ nhỏ nhẹ/ nhỏ nhắn/ nhỏ nhoi/ nhỏ nhặt/ nhỏ nhen

3) Gạch dưới từ phù hợp với nghĩa cho trước

a. Người đã bị toà án quyết định đưa ra xét xử

bị cáo – bị can

b. Có tâm trạng luyến tiếc, nhớ thương xen lẫn nhau

băn khoăn – bâng khuâng

c. Truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp

văn học – văn hiến

d. Nhanh, gấp và có phần căng thẳng

khẩn thiết – khẩn trương

e. Được cử giữ chức vụ cao hơn

Đề cử - đề bạt

f. Nói nhẹ nhàng như khen nhưng thật ra là mỉa mai, chê trách

nói móc – nói mát

4) Từ nào dưới đây được đánh giá là hay hơn? Vì sao?

a. Cỏ non xanh rợn/tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

b. Chiếu thuyền nhẹ băng/hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ/ vội vã vượt trường giang

(hăng + vội vã hay hơn vì:

- hăng: cái thế nội tại, tự thân của con thuyền
- khác với băng: chỉ là sự quan sát bên ngoài, miêu tả hành động bên ngoài
- vội vã: ăn nhập với hăng, nhấn mạnh cách thức, cảm giác, sắc thái tâm trạng khác với mạnh mẽ: miêu tả bên ngoài)

c. Nước biển trong như tầng khói phủ

Song thưa để ***mặc/lọt*** bóng trăng vào.

- Lọt: chỉ biểu thị trạng thái một sự vật (bóng trăng) xuyên qua được kẽ hở của một sự vật (song thưa). Nghĩa là các sự vật tự nhiên đan xen, hoà quyện.
- Để mặc: là từ diễn tả một trạng thái tâm lí, một ý thức để cho một đối tượng khác hoạt động tuỳ ý, tự nhiên mà không can thiệp vào → câu thơ trở nên có hồn hơn, có cảm xúc hơn và sự hoà quyện của thiên nhiên mà còn là sự hoà quyện của thiên nhiên với con người.

d. Nhật kí trong tù ***canh cánh/thể hiện*** một tấm lòng nhớ nước. Nhớ lúc tỉnh và nhớ cả trong mơ.

Canh cánh: nói đến trạng thái tình cảm của con người trạng thái thường trực, không nguôi, vừa nói về tác phẩm vừa nói về tính cách của Bác. Ngoài ra, là một từ láy có âm chính vang nên hình thức âm thanh của từ kéo dài như không có chấm dứt.

Thể hiện: nói một cách khách quan về nội dung của tác phẩm này khác thể hiện/ bộc lộ/ diễn tả và xem đối tượng là một vật thể.

e. "Sầu riêng ***thơm mùi thơm/ thơm như mùi thơm*** của . . . quyện với hương bưởi, ***béo cái béo/ béo như cái béo*** của trứng gà, ***ngọt cái ngọt/ ngọt như cái ngọt*** của mật ong già hạn" (Mai Văn Tạo)

SS1: thông thường

SS2: sáng tạo, không có từ như, các vị béo, ngọt, thơm với các cụm từ đi sau nó được trực tiếp cảm nhận không phải như sự so sánh mà như đặc trưng riêng của các mùi vị.

5) Phân tích và chữa lỗi về từ trong những câu sau:

1) Nhìn vào cấu trúc bữa ăn của nhân dân thành phố ta thấy lượng dinh dưỡng không cân đối: thịt quá nhiều mà rau thì quá ít.
2) Anh có nhiều ***yếu điểm*** cần phải khắc phục.
3) Trong căn phòng ***thanh tinh*** và ***im lặng***, hai người đưa mắt nhìn nhau.
4) Những thiệt hại do nạn ô nhiễm môi trường gây ra không thể thống kê bằng ***số liệu*** hay ***con số cụ thể***.
5) ***Cuộc sống*** của bạn không thể chỉ ***sống*** cho cá nhân mà bạn phải ***sống*** cho cuộc ***sống cộng*** đồng. (Sửa: bạn không thể chỉ sống cho cá nhân mà còn phải sống cho cộng đồng)
6) Chỉ có một suất sưu của nhà nước mà hạnh phúc gia đình chị Dậu ***vỡ tan.*** (tan vỡ)

7) Người nông dân đã phải gánh chịu tất cả cái nóng bức ***cay nghiệt*** của mùa hè.
8) Họ là những con người bình dị nhưng họ cũng là những anh hùng đã ***mất mạng*** vì độc lập tự do của tổ quốc.
9) Ánh sáng cung cấp năng lượng cho cây xanh quang hợp. Các quá trình sinh trưởng khác của cây cũng cần đến ánh sáng ***ấm áp, diệu kỳ.***
10) Trực ca này là một ông bác sĩ ***già nhiều tuổi.***
11) Trong cuộc sống hàng ngày, anh vô cùng giản dị nhưng đứng trước kẻ thù, ***phong cách*** của anh thật là ***lẫm liệt***.
12) Nhân dân ta đã phải dương đầu chống lại ***với*** một kẻ thù hung bạo nhất.
13) Huấn Cao luôn lấy cái tài, cái đức làm ***lý tưởng*** của đời mình.
14) Với ***chữ người tử tù***, Nguyễn Tuân đã cho ta ***hưởng thụ*** cái đẹp – cái đẹp của thiên lương, cái đẹp của nghệ thuật.
15) Một tương lai ***sáng lạng*** đang chờ chúng ta (xán lạn)
16) Thuý Kiều là người con gái có tài sắc nhưng lại là người ***bạt mạng*** (bạc mệnh)
17) Từ ngày được giác ngộ cách mạng, anh ấy luôn giữ vững một lập trường ***trong sạch***. (kiên định)
18) Khi còn ngồi ***trong*** ghế nhà trường, học sinh chúng ta cần nỗ lực học tập thật tốt.
19) Đã tham gia vào hoạt động cách mạng là ***không*** được quản ngại bảo táp mưa sa.
20) Chương trình của Đài truyền hình Việt Nam bắt đầu từ 5g30 ***sáng*** đến khoảng 23g ***đêm***.
21) Chúng tôi dự đoán phải mất ***hết*** ít nhất ***hết*** hai tiếng để đến đó.
22) Lúc chúng tôi đến thì hiện trường chỉ còn lại một xác chết ***bất động***.

23) Được học tập trong một môi trường ***trong lành*** nên tài năng của anh ta đã được phát huy.

24) Báo lá cải có thể hiểu là những tờ báo nội dung ***nhỏ nhẹ*** và không đúng sự thật. (vụn vặt, nhảm nhí)

25) Chính bọn này đã ***kết cấu*** với nhau để hại người đi đường

26) Dân tộc nào cũng trải qua một chặng đường ***nghèo rớt mồng tơi***. (Sai phong cách và quan hệ ngữ nghĩa)

27) Thực tế đã ***bãi bỏ*** những luận điểm sai trái đó

28) Việc kí duyệt sai nguyên tắc của giám đốc đã gây ***thiệt thòi*** cho công ty hàng tỉ đồng (thiệt hại)

29) Chúng ta phải chủ động ***đề cử*** những phương hướng và biện pháp giải quyết.

30) Họ vẫn ***tự tiện*** xả rác xuống ao hồ (tự tiện: theo ý thích của mình, không xin phép, không hỏi ai cả. Tuỳ tiện: tiện đâu làm đó, không có nguyên tắc nào cả)

31) Để hiểu rõ vấn đề, ***nào***, ***các bạn hãy cùng tôi*** đi vào phân tích tác phẩm. (Sai phong cách: nghị luận – khẩu ngữ)

32) Chúng ta cần ra sức học tập để nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu ***đòi hỏi*** của công cuộc xây dựng ***kiến thiết*** nhà nước.

33) Anh là nhà thơ ***vĩ đại*** đã viết nên những tác phẩm ***tuyệt diệu*** với một hình thức nghệ thuật ***điêu luyện***, xứng đáng đứng ở đỉnh cao ***chói lọi*** của văn đàn.

6) Tìm từ đúng cho mỗi ý nghĩa sau:

- Tưởng nhớ người đã mất trong tư thế nghiêm trọng lặng lẽ (mặc niệm)
- Im lặng, làm như việc chẳng quan hệ đến mình (Mặc nhiên)
- Trả giá, thêm bớt từng đồng để được mua rẻ (mặc cả)
- Thầm nghĩ mình thua kém người và buồn day dứt (mặc cảm)

7) Yêu cầu như bài 6

- Trình ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên để giải quyết (đề đạt)
- Đưa ra ý kiến để xem xét, giải quyết (đề xuất)
- Giới thiệu ra để lựa chọn và bầu cử (đề cử)
- Cử người giữ chức vụ cao hơn (đề bạt)
- Nêu lên đầu tiên và phổ biến, vận động mọi người theo (đề xướng)
- Đưa ra ý kiến về một việc nên làm nào đó để thảo luận, xem xét (đề nghị)

8) Tìm từ tương đương về nghĩa với từ ăn trong những trường hợp sau

- ăn (trong ăn cơm)
- ăn (trong ăn quả)
- ăn (trong xe ăn xăng)
- ăn (trong da ăn nắng)
- ăn (trong cỏ ăn lan)
- ăn (trong phanh rất ăn)
- ăn (trong ăn đạn)
- ăn (trong hồ dán rất ăn)
- ăn (trong ăn ảnh)
- ăn (trong ăn đòn)
- ăn (trong ăn lương)
- ăn (trong tàu ăn than)

9) Phân tích giá trị biểu đạt của các từ ngữ được lựa chọn và thay thế (ở trong ngoặc) trong các trường hợp sau:

Non cao những ngóng cùng trông

Suối ***khô (tuôn)*** dòng lệ chờ mong tháng ngày.

(Tản đà – Thề non nước)

- Tôi có ý định đến ngày hôm đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc để ***chúc mừng (thăm hỏi)*** đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng.
- Kế đó tôi sẽ thay mặt nhân dân đi thăm (thăm viếng) và cảm ơn các nước anh em trong phe XHCN và các nước bầu bạn năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ (chúng ta trong) cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.
- Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp (hạng) người "xưa nay hiếm" (. . .) Khi người ta đã ngoài 70 xuân (tuổi) thì tuổi tác càng cao sức khoẻ càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

- Vì vậy tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ (phải) đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi khỏi cảm thấy đột ngột.

(Bản di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh)

BÀI 3. LUYỆN CÂU

- Yêu cầu:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về câu, biết vận dụng kiến thức đó vào việc nâng cao năng lực đặt câu.

+ Phát hiện, phân tích và sửa được lỗi câu

1. Khái niệm

Câu là đơn vị ngôn ngữ cơ bản và tối thiểu mang chức năng thông báo, có một cấu trúc nhất định phù hợp với qui tắc ngữ pháp của một thứ tiếng.
Vd: Hôm qua tôi đi học:

+ Về nội dung: thông báo một sự việc

+ Cấu trúc ngữ pháp: là một câu đơn có đầy đủ 2 thành phần nòng cốt: CN*(tôi)* - VN *(đi học)* và có thành phần phụ trạng ngữ: *hôm qua.*

+ Về mặt hình thức câu được kết thúc bằng một dấu chấm câu

2. Cấu tạo của câu tiếng Việt(theo ngữ pháp truyền thống)

2.1. Thành phần nòng cốt: bao gồm **chủ ngữ, vị ngữ**

- *Chủ ngữ* : là phần nêu đối tượng được đưa ra xem xét, đánh giá

- *Vị ngữ* : là phần chỉ đặc điểm, hành động, tính chất, trạng thái của đối tượng được nêu ra ở chủ ngữ.

Vd: *Trời* *mưa*
C V

Cây táo *có nhiều quả*
C V

2.2. Thành phần phụ của câu

**** Trạng ngữ:*** có nhiệm vụ bổ sung cho nòng cốt câu những chi tiết về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, tình thế, điều kiện, phương tiện, cách thức, nguyên nhân, mục đích

- ***Ngày xuân*** con én đưa thoi (TN chỉ thời gian)

- Trước bản, rặng đào đã trút hết lá. (TN chỉ nơi chốn)

- ***Bằng một động tác nhanh nhẹn***, con mèo vồ lấy con chuột. (TN chỉ cách thức).

- ***Với ngòi bút hiện thực của mình,*** Nam Cao đã phơi bày bản chất của thối nát của xã hội nửa thực dân phong kiến. (TN chỉ phương tiện)

- ***Để có sức khoẻ tốt***, chúng ta cần thường xuyên luyện tập thể dục. (TN chỉ mục đích)

- ***Tuy ốm,*** Thanh vẫn cố gắng đến lớp. (TN chỉ sự nhượng bộ)

- ***Vì mưa***, nó đành phải ở nhà. (TN chỉ nguyên nhân)

**** Đề ngữ/khởi ngữ***: là thành phần có vai trò nêu và nhấn mạnh chủ đề của câu

- ***Ruộng***, bà ấy có hàng trăm mẫu.

- ***Chuyện ấy***, tôi đã biết từ lâu.

- ***Cái con người bạc bẽo ấy***, anh còn tiếc làm gì.

- ***Cà Mau***, tôi đã từng nghe nhiều huyền thoại về mảnh đất này.

- ***Còn chị***, chị công tác ở đâu?

- ***Về phần tôi***, tôi cũng xin thua.

****Thành phần phụ tình thái***: là thành phần chuyên dùng để bộc lộ cảm xúc, thái độ, sự đánh giá chủ quan của người nói hoặc đánh dấu hành vi ngôn ngữ.

Vd: - Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu.

Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.

- Thế mà hơn 20 năm ***rồi đấy.***

- Dễ thường anh tố cáo tôi ***chắc***?

- Hình như anh quên tôi rồi ***thì phải***?

- Chẳng lẽ, quýt làm cam chịu ***hay sao***?

- Hơi đâu mà anh nói với loại người đó.

- Liệu mà cao chạy xa bay

Ái ân ta có nhường này mà thôi.

2.3. Thành phần biệt lập đối với câu

**** Phần hô đáp:*** là phần gọi tên, gọi người cùng đối thoại.*Vd:*

- ***Này***, bà còn thức hay ngủ đấy?

- ***Em ơi***, Ba Lan mùa tuyết tan

- Nhiều đấy ***ư em***, mấy tuổi rồi?

- Hai mươi

- ờ nhỉ, tháng năm trôi.

**** Phần phụ chú***: là thành phần dùng để chú thích thêm, giải thích thêm, phụ thêm một chi tiết ngoài lề cho câu. *Vd:*

- Ngày mai ra trận, ***điều ấy cũng thường thôi***, tôi có thể ngã xuống trong

- Việc này mình không có lỗi, ***Lan tự nhủ.***

- Việt Nam, ***cũng như một số nước Đông Nam Á***, cần phải đẩy lùi nạn tham nhũng.

**** Phần chuyển tiếp:*** là phần được dùng để nối ý, chuyển ý giữa các câu có quan hệ với nhau.*Vd:*

- Vườn cây đâm chồi nảy lộc. ***Rồi*** vườn cây ra hoa.

- Ông vốn là kẻ dè sẻn từng đồng xu. ***Vậy mà,*** có lúc ông tỏ ra hào phóng.

3. Phân loại câu tiếng Việt

Có thể hình dung ở sơ đồ dưới đây

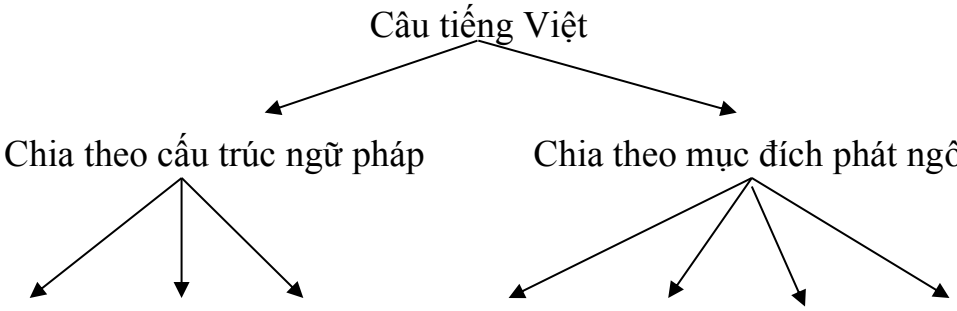

Hoặc :

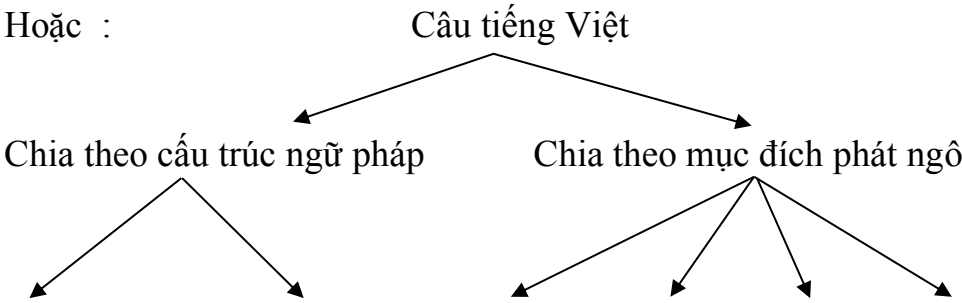

Cũng có thể :

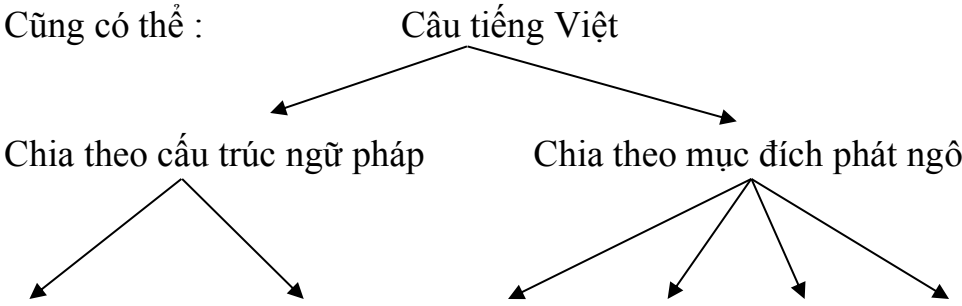

3.1. Tiêu Chí 1: Phân loại câu theo cấu trúc ngữ pháp

a. Câu đơn : là câu có 1 kết cấu chủ vị làm nòng cốt

Vd: Con mèo vồ con chuột

C **V**

- Câu ghép: là câu có từ hai kết cấu chủ vị trở lên, mỗi kết cấu chủ - vị làm thành một vế câu, chúng không bao hàm lẫn nhau.

+ Câu ghép chính phụ

Vì trời mưa nên tôi không đi học

C V C V

+ Câu ghép đẳng lập:

Xuân Diệu cần phải hồn nhiên thêm và Tế Hanh phải bớt tự nhiên

C V C V

(Chế Lan Viên)

- Câu phức: là câu có từ hai kết cấu chủ vị trở lên, trong đó chỉ có một kết cấu chủ - vị làm nòng cốt câu, các kết cấu chủ - vị còn lại giữ vai trò là thành phần nào đó bên trong nòng cốt câu

VD:

- Mùi xăng nồng nặc toả khắp rừng báo hiệu rằng nó còn tiếp tục cháy rộng (phức chủ ngữ)

C V C V

- Những di vật dưới đất là một kho tàng rất quí giá

C C V (phức vị ngữ)

V

- Anh phải có niềm tin với người bạn gái mà anh vốn yêu quí

C V (phức định ngữ)

- Ông lão cứ ngỡ là mình còn trong chiêm bao

C V (phức chủ ngữ)

C V

3.1.2. Câu bình thường - câu đặc biệt

- Câu bình thường là câu có đầy đủ thành phần chủ - vị

- Câu đặc biệt là câu chỉ có một thành phần trung tâm (không phân biệt được chủ ngữ hay vị ngữ)

Vâng!

Dạ!

Trộm!

Một chút thẹn thùng. Một chút lòng thương. Nhưng tình yêu thì nhất định không còn.

3.1.3. Câu đầy đủ - câu tỉnh lược:

- Câu đầy đủ là câu có đầy đủ thành phần chủ - vị

- Câu tỉnh lược là câu vắng mặt một số thành phần nòng cốt ***và có thể phục hồi***

VD: (nhà) Cháy!

(bức tranh) Đẹp quá!

3.2. Tiêu chí 2: Câu chia theo mục đích phát ngôn

- Câu trần thuật (câu tường thuật, câu kể, câu miêu tả) là kiểu câu thường dùng để miêu tả, để thông báo, để nhận định, để trần thuật về hiện tượng khách quan

VD:

+ Mặt trời lên, sương tan dần (miêu tả)

+ Ngày mai, trên sân tự do Huế sẽ diễn ra trận đấu giữa 2 đội Huđa Huế - Hoàng Anh Gia Lai (thông báo)

+ Nam là một học sinh chăm chỉ (nhận định)

+Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, trên đường tiến quân, voi của Trần Hưng Đạo bị xa lầy (trần thuật)

- Câu hỏi (nghi vấn): là câu mà người nói thường dùng để hỏi và yêu cầu người đối thoại trả lời

+ Anh mua sách hay báo?

+ Anh ăn cơm chưa?...

- Câu cầu khiến: là câu dùng để yêu cầu, bắt buộc người đối thoại thực hiện hoặc không thực hiện một việc gì đó.

Anh đừng đi! Ở lại với tôi!

Ra khơi đây ngay!

Quay trái! Đi đều, bước!

- Câu cảm thán: là câu thường dùng để bộc lộ thái độ, cảm xúc của người nói trước hiện thực.

Trời ơi!

Kinh quá!

4. MỘT SỐ THƯỜNG GẶP VỀ CÂU

Câu đúng là câu có nội dung hợp logic - ngữ nghĩa và có cấu trúc cú pháp đúng với qui tắc cấu tạo câu của tiếng Việtcâu sai là những câu mắc quy tắc ngữ pháp được hình thành từ thực tiễn USE tiếng Việt để giao tiếp trong xã hội. Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, các qui tắc đó dần phải một trong các lỗi sau được ổn định, được xã hội thừa nhận.

4.1. Câu mắc lỗi ngữ nghĩa

4.1.1. Câu thiếu thành phần

Ta cần phân biệt câu thiếu thành phần và câu lược một số thành phần.

Trong lời nói hàng ngày và trong văn bản nghệ thuật các thành phần câu có thể được lược bỏ ít nhiều khi ngữ cảnh cho phép. Còn bình thường câu phải có đầy đủ thành phần (ít nhất cũng phải đầy đủ thành phần nòng cốt).

Nếu thiếu thành phần câu sẽ bị mắc lỗi

4.1.1.1. Thiếu chủ ngữ:

- Thường là do nhầm trạng ngữ với chủ ngữ

1) Thêm chủ ngữ vào vị trí V.

+ Qua tác phẩm ***"Tắt đèn"*** **V** cho ta thấy số phận của người nông dân bị bần cùng hoá.

+ Bằng các ví dụ đã dẫn V cho ta thấy sức mạnh của nghệ thuật ngôn từ.

+ Trong truyện Sơn Tinh Thuỷ Tinh V đã thể hiện lòng tin vào sức mạnh của con người trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên.

- Cách sửa:

(1) Thêm chủ ngữ vào vị trí V.

(a) Qua ....., Ngô Tất Tố cho ta thấy.....

(b) .....Bằng....., nhà phê bình cho ta thấy.....

(c) Trong ....., tác giả dân gian đã.....

(2) Hoặc cải biến thành phần ở đầu ???????????????? chủ ngữ bằng cách "qua, trong, từ....."

(a) Tác phẩm "Tắt đèn".....

(b) Các ví dụ đã dẫn cho ta .....

(c) Truyện Sơn Trinh, Thuỷ Tinh đã thể hiện .....

(3) Hoặc là cải biến vị ngữ thành chủ ngữ + vị ngữ bằng cách bỏ động từ chính của vị ngữ cho, khiến.....

Qua tác phẩm tắt đèn, ***ta*** thấy ***được*** số phận của người.....

4.1.1.2. Câu thiếu vị ngữ:

- Người viết phát triển thành phần phụ chú thích??????????

VD:

a) Thành cổ, nay tên là thị xã Quảng Trị, điểm dừng chân đầu tiên của Nguyễn Hoàng.

b) Những bài ca dao nói về ty lứa đôi, ???????????? viên ngọc của văn học dân tộc, nguồn cảm hứng bất tận của nghệ sỹ dân gian

(c) Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, người được học sinh quý mến.

- Cách sửa:

(1) Cải tiến một phần phụ chú thích thành vị ngữ bằng cách thêm "là"

a) Thành cổ, nay mang tên thị xã Quảng Trị, ***là điểm.....***

V

b) Những bài ca ....., những viên ngọc của văn học dân tộc, là nguồn .....

V

c) Thầy Nam, ..., là người được học sinh quí mến.

V

(2) Thêm vị ngữ vào V cho câu

a) Thành cổ, nay ....., điểm dừng chân..... là nơi diễn ra những cuộc chiến đấu ác liệt của quân và dân ta trong những năm chống mỹ.

b) Những bài ca, ..., nguồn cảm hứng ..... còn sống mãi với thời gian

V

c) Thầy Nam, ..., ..., trau dồi đạo đức và tài năng được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú

V

4.1.1.3. Câu thiếu cả chủ ngữ + vị ngữ:

- Người viết phát triển + phần phụ mà tưởng đã viết một câu trọn vẹn

VD:

a) Từ những chủ dân quân ngày đêm canh giữ đồng quê đến những bà mẹ chèo đò trên những dòng sông đầy bom đạn

- Trong các tác phẩm dân gian, bằng trí tuệ sắc sảo, bằng nghệ thuật châm biếm và gây cười độc đáo đối với bọn thầy bói, thầy cúng tham ăn, tham uống.

- Cách sửa:

(1) Tuỳ đường hợp mà thêm cả vị ngữ và chủ ngữ.

a) Từ những ..... bom đạn, họ dã những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng chính họ đã làm nên đất nước.

b) Trong ..... tham uống, nhân dân lao động đã phê phán mạnh mẽ những thói hư tật xấu của các " loại thầy".

(2) Hoặc cải biến những yếu tố trong thành phần phụ thanh chủ ngữ và vị ngữ bằng cách thêm vào một từ (một số từ thích hợp).

a) Trong các tác phẩm dân gian, nhân dân lao động ***đã thể hiện*** trí tuệ sắc sảo , nghệ thuật châm biếm.....

4.1.1.4. Thiếu thành phần bổ ngữ bắt buộc:

a) Kè thù giết chết V song giết so được tinh thần cách mạng trong con người họ.

(a) Giết là một động từ ngoại động, cần phải có bổ ngữ chỉ đối tượng chịu tác động → sửa: kẻ thù giết chết ***người yêu nước ấy***, song....

4.1.2. Câu thiếu vế

Trong tiếng Việt, loại câu ghép có quan hệ nguyên nhân - kết quả, nhượng bộ - tăng tiến, điều kiện - kết quả (như ví dụ dưới) bao gồm cũng phải có một vế hô ứng với nhau. Nhân câu dưới đây chỉ có một vế:

Nếu chúng ta chỉ căn cứ vào các hình ảnh có ý nghĩa nói một vế về tình dục trong thơ của Hồ Xuân Hương mà cho toàn bộ thơ Bà đều là tục và dâm, và theo đó bà cũng dâm V.

→ Sửa: Nếu..... thì chúng ta đã sai lầm

4.1.3. Câu có kết cấu rối rát

- Người viết muốn viết câu phức tạp nhiều tầng, nhưng không xác định rõ quan hệ ý nghĩa và quan hệ ngữ pháp giữa các ý dẫn đến câu tối nghĩa, khiến cho người đọc, đọc xong nhưng không biết người viết muốn nói điều gì.

- Cách sửa: Gặp lỗi này, ta phải cố gắng dựa vào ý của câu văn, khôi phục lại mạch suy nghĩ của người viết, cắt bỏ đi những bộ phận không cần thiết, thêm vào những bộ phận cần thiết (nếu cần) để biến tập hợp lộn xộn đó thành một khối thống nhất, hoàn chỉnh.

Một kết cấu thối nát như một đống vật liệu xây dựng đủ loại, để hỗn trộn, lung tung, bừa bãi, còn câu hoàn chỉnh giống như một ngôi nhà đàng hoàng được xây dựng, hoàn thiện bằng chính những vật liệu đó.

4.1.4. Lỗi câu do chập cấu trúc câu

- Nguyên nhân: Người viết lấy một phần hoặc toàn bộ cấu trúc này gắn với một phần hay toàn bộ cấu trúc khác.

VD: Sở dĩ em yêu quý con mèo nhà em là vì nó hay bắt chuột nên em mới yêu quý nó.

→ câu này, khi phân tích chúng ta thấy gồm 2 cấu trúc câu như sau:

+ Sở dĩ... là vì (kết quả - nguyên nhân)

+ Vì.... nên (nguyên nhân - kết quả)

→ Do nhập 2 cấu trúc này lại nên nó trở thành câu sai

→ Sửa: chỉ giữ lại một trong hai cấu trúc, hoặc là

+ Sở dĩ em ?????????... là vì nó hay bắt chuột

+ Vì con mèo nhà em hay... nên em mới yêu quí nó

4.1.5. Lỗi do vi phạm trật tự kết hợp từ

Tiếng Việt là ?????? thuộc loại hình đơn lập, không biến hình từ. Do đó đặc điểm ngữ pháp của tiếng Việt không thể hiện qua hình thức ngữ âm của từ mà thể hiện thông qua 2 con đường:

- Dùng hư từ

- (Trật tự từ)^2 là hết sức quan trọng để hiểu chính xác nghĩa của câu. Trật tự từ nếu thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi về nghĩa của câu hoặc tạo ra những câu không hợp qui tắc ngữ pháp.

VD: Hai nghệ sĩ nổi tiếng Ý từ trần → sửa: 2..... ý nổi tiếng

Cái áo mới mua xanh lụa ấy là của tôi → cái áo lụa xanh mới mua ấy

4.2. Lỗi về ngữ nghĩa

4.2.1. Nội dung của câu không phản ánh đúng hiện thực, không hợp logic

VD:

a) ***Nguyễn Huệ*** (Ngô Quyền) là vị anh hùng đã đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng

b) Chí Phèo là kiệt tác của ***Văn Cao*** (Nam Cao)

c) Dưới chế độ Mỹ - Diệm phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân nói chung, của phong trào thể dục thể thao nói riêng, đã phát triển hết sức mạnh mẽ.

→ Sai: phong trào yêu nước của nhân dân và phong trào thể dục không có mối quan hệ logic nào cả.

→ Có thể sửa: dưới chế....., phong trào..... nói chung, của học sinh - sinh viên nói riêng đã phát triển hết sức mạnh mẽ.

4.2.2. Nội dung giữa các vế câu không tương hợp

Tuy họ là những người có tâm huyết và tài năng nhưng họ có lòng can đảm để đấu tranh chống lại nạn tham nhũng, nạn cửa quyền.

→ Sai: Tuy... nhưng: diễn đạt quan hệ tương phản nhưng ở đây nội dung của hai vế không có sự tương phản.

→ Sửa: thay ***nhưng*** bằng ***và***

4.2.3. Thừa lượng ngữ nghĩa

a) Ngòi bút này ***rất*** tốt ***lắm*** → một trong hai từ này bị thừa, phải bỏ một.

b) Hồ Chí Minh là ***một người đầu tiên*** đánh giá đúng sức mạnh của khối đại đoàn kết.

→ Sai vì: Một ý nghĩa phiếm định (một trong số những người) trong khi ***người đầu tiên***: mang ý nghĩa xác định.

→ Sửa: C1: HCT là người đầu tiên đánh giá

C2: HCT là người đánh giá

C3: HCT là một trong những người đánh giá đúng

4.2.3. Câu không có thông tin mới

a) Nó nhìn tôi ***bằng mắt***

b) Nó đá bóng ***bằng chân***

→ Sửa: Cần cụ thể hoá về nghĩa (thêm định ngữ cho danh từ chỉ phương tiện, công cụ).

a) Nó nhìn tôi bằng đôi mắt tò mò

b) Nó đá bóng bằng chân trái

4.2.4. Câu mơ hồ

Là những câu có thể tạo ra những cách hiểu "nước đôi" về nghĩa, khiến cho quá trình ??????????? của người nghe có những sai biệt đáng kể. Trừ trường hợp điều kiện ngữ cảnh cho phép người nghe có thể hiểu được những câu???????????????? những trường hợp còn lại khi không có chỉ dẫn nào của ngữ cảnh, người nói, người viết cần tránh những câu mơ hồ.

VD:

a) Trâu cày không được giết

Cách hiểu một: Trâu này là trâu này, không được giết nó.

Cách hiểu hai: Con trâu nào cày không được thì giết nó đi

b) Mang cá vào kho

Cách hiểu 1: Mang cá vào mà kho (động từ)

Cách hiểu 2: Mang cá vào nhà kho (danh từ)

c) Anh có tin nó không?

Cách hiểu 1: Anh có tin tức gì về nó không?

Cách hiểu 2: Anh có tin tưởng ở nó hay không?

d) Thầy Nam, ..., ...,

BÀI TẬP

PHÂN TÍCH LỖI VÀ CHỮA LỖI NHỮNG CÂU SAU

1. Vì muốn Từ Hải làm quan trong triều nên đã mắc mưu Hồ Tôn Hiến.

2. Qua phong trào chạy việt dã của báo Tiền phong đã cho thấy sức sống của tuổi trẻ Việt Nam.

3. Trong truyện Trạng Quỳnh đã thể hiện tinh thần phản phong quyết liệt của nhân dân ta.

4. Ý chí tự lập của anh trong mọi hoàn cảnh, dù là hoàn cảnh bình thường hay khó khăn.

5. Do lượng mưa năm nay kéo dài nên đã gây nhiều thiệt hại cho vụ mùa.

6. Mới vào bộ đội, chúng ta thường nghe cán bộ phổ biến chiến sĩ trai phải cắt tóc ngắn, chiến sĩ gái thì cuộn, tết tóc lên cao, râu phải cạo nhẵn.

7. Muốn tiêu diệt đói chúng ta phải nâng cao năng suất trong nông nghiệp nói chung và trong công nghiệp nói riêng.

8. Mục đích của thực dân Pháp không phải là khai hoá văn minh cho chúng và không ai tin vào những lời lẽ tốt đẹp của chúng chỉ là giả dối.

9. Vì mục đích của thực dân Pháp không phải là khai hoá văn minh nên không còn ai lại tin vào những lời lẽ tốt đẹp của chúng chỉ là giả dối.

10. Qua nhân vật chị Dâu ta thấy được bản chất xấu xa của bọn địa chủ. Ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

11. Với tinh thần quyết chiến quyết thắng, bọn địch nhất định sẽ thất bại trước quân dân ta.

12. Qua nhân vật chị Sứ thấy rõ lòng yêu quê hương tha thiết của người dân Việt Nam.

13. Hồ Chủ Tịch, người Cha kính yêu của dân tộc, lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, người kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

14. Mặc dù kẻ thù đã dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ và dùng mọi cực hình tra tấn chị.

15. Sở dĩ chúng ta còn một số chưa yên tâm công tác, còn thắc mắc nhiều về tiền đồ, về sự đãi ngộ.

16. Thầy Hiệu trưởng kêu gọi chúng em tham gia phong trào trồng cây "nhớ ơn Bác Hồ" thành công tốt đẹp.

17. "Vì sự nghiệp 10 năm trồng cây, vì sự nghiệp trăm năm trồng người", cần cố gắng dạy hơn nữa.

18. Chúng ta thà hi sinh tất cả vì độc lập, tự do của đất nước.

19. Giặc điên cuồng chồng chất tội ác, gieo rắc đau thương trên đất nước bao nhiêu.

20. Mắt đăm đăm nhìn ra cửa bể, ta thấy chiều buồn bã nghĩ tới thân phận của mình ***bèo bọt***.

21. Nếu trong lòng ta, tình yêu đảng, yêu nhân dân mà kéo phần nồng nhiệt.

22. Tuy chị út Tịch rất mực thương yêu chồng con, đồng bào, nhưng chị rất căm thù bọn cướp nước và bán nước.

Sửa: Nếu muốn V câu có nên quan hệ nhân - quả: - vì... nén.

Nếu muốn V có câu nên quan hệ tăng tiến: càng....

Nếu muốn V có câu nên quan hệ đồng thời: chị Út Tịch..., đồng thời chị cũng...

23. Sau khi nghe quá nhiều lời xúc phạm của bọn cường gấu, anh Hai trong trạng thái bị kích động.

24. Những học sinh được trường khen thưởng cuối năm về thành tích xuất sắc trong học tập và lao động.

25. Nhân dịp tôi đến nhà thủ trưởng chúc tết.

(- Nhân dịp này tôi đến nhà thủ trưởng chúc tết

- Nhân dịp tôi..., ông ấy đã trao đổi với tôi một số vấn đề về tổ chức nhân sự ở cơ quan).

26. Tay nó cầm cuốn sách, bước vội ra sân

27. Nhờ uống thuốc của thầy lang nên con chó đại cắn anh Tư vẫn sống

28. Chị tôi vừa tổ chức kỉ niệm lần thứ 30 sinh nhật (trật tự kết hợp).

29. Ở các địa đen, những năm gần đây, hạn hán.

30. Dùng mì ăn liền hảo hảo, các bạn chỉ cần sưu tập đủ hình 3 con giáp: tí - sửu - dần tức chuột - trâu - hổ (in trong phiếu cào) nhận được một chuyến du lịch Thái Lan trong 3 ngày.

31. Sau khi chiến thắng thực dân Pháp, Đảng và Bác Hồ lại đang lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

32. Niềm tin cha anh vào thế hệ trẻ.

33. Hình ảnh hưởng người dũng sĩ mặc áo giáp sắt, đầu đội mũ sắt, cưỡi ngựa sắt, vung gậy sắt, xông thẳng vào quân thù (...)

34. Qua bản báo cáo của ông cha chúng ta thấy tình hình sản xuất trong xí nghiệp còn nhiều khó khăn.

35. Tác giả đã lên tiếng tố cáo tội ác của thực dân Pháp nhưng ông cũng không ngần ngại vạch mặt bọn bán nước hại dân.

36. Với anh, một con người luôn hi sinh hạnh phúc của mình cho người khác.

37. Về vấn đề phức tạp này nên chúng ta không thể giải quyết vội vàng như vậy sẽ rất bất cập.

(Hoặc: - Vì vấn đề này phức tạp nên... vội vàng)

- Về..., chúng ta không... vì như vậy sẽ....

38. Để chủ động phòng chống các dịch bệnh xảy ra trong mùa, theo dõi, giám sát nhằm phát hiện ngăn chặn và giải quyết triệt để khi dịch bệnh xảy ra.

BÀI 4. LỖI VỀ DẤU CÂU

- Yêu cầu:

+ Nắm được cách sử dụng các loại dấu.

+ Phát hiện và sửa lỗi về dấu câu

1. DẤU CÂU TRONG TIẾNG VIỆT

Dấu câu là loại ký hiệu dùng trong chữ viết. Thường thường, quy tắc dấu câu được giải thích đồng thời bằng cả tiêu chí ý nghĩa, ngữ pháp và ngữ điệu.

Tiếng Việt sử dụng các dấu câu sau:

- Dấu chấm •
- Dấu hỏi ?
- Dấu chấm than !
- Dấu phẩy ,
- Dấu chấm phẩy ;
- Dấu hai chấm :
- Dấu ngoặc kép “”
- Dấu ngoặc đơn ()
- Dấu chấm lửng ...
- Dấu gạch ngang -

1.1. Dấu chấm:

Dùng để kết thúc câu trần thuật (kể, miêu tả, tường thuật)

Câu tường thuật có thể là câu đơn, câu đặc biệt, câu tĩnh lược, câu ghép.

Chửi. Kêu. Đấm. Đá (câu đặc biệt)

Anh ta đã bức thư rồi (câu đơn)

1.2. Dấu hỏi

Dùng để kết thúc câu hỏi (cả câu hỏi thông thường + tu từ)

- Cháu tên là gì? (câu hỏi thông thường)
- Bác đã đi rồi sao Bác ơi? (câu hỏi tu từ)

Dấu ? đặt trong ngoặc đơn (?) sau dấu kết thúc câu thường biểu đạt thái độ nghi ngờ, đặc biệt là nghi ngờ đối với lời trích thuật (tỏ thái độ cẩn trọng, nghiêm túc trong khoa học).

VD: Bọn xâm lược Mỹ làm ra vẻ ngạc nhiên. Chúng chối biến rằng chúng không hề biết gì (?) Báo Nhân dân

Dấu ? có thể lặp lại ba lần??? Thay cho một lời đối thoại để biểu lộ sự ngạc nhiên quá độ khiến cho người ta không nói được.

VD: - Chị A, San mất rồi!

? ? ?

1.3. Dấu chấm than

- Dùng để kết thúc câu cảm thán, câu cầu khiến.

VD: - Ối giời ơi, Bác!

- Ra ngay!

- Dấu chấm ! đặt trong ngoặc đơn (!) nằm sau dấu kết thúc câu dùng để tỏ thái độ mỉa mai, châm biếm. Cu cậu tưởng cu cậu đã thoát thân (!).

- Đi kèm với dấu hỏi: ?!, chúng có ý nghĩa vừa nghi ngờ vừa mỉa mai hoặc ngược lại, vừa mỉa mai, vừa nghi ngờ!?.

VD: Nó làm như vậy mà anh cũng chịu à?!

1.4. Dấu phẩy

- Dùng để phân định ranh giới thành phần trạng ngữ (ở đầu câu) với những thành phần còn lại của câu.

VD: Hôm sau, Lão Hạc sang nhà tôi.

- Dùng để phân định ranh giới thành phần chuyển tiếp với những thành phần còn lại của câu.

VD: Vả lại, nó cũng không thích gì tôi.

- Dùng để phân định ranh giới giữa thành phần gọi đáp với những thành phần còn lại của câu.

VD: Thưa cô, em là Hoa đây ạ.

Anh Bảy, nhắc lại đi.

- Dùng để phân định ranh giới giữa thành phần khởi ngữ với những thành phần còn lại.

VD: Em, em là lớp trưởng đây ạ.

- Dùng để phân định ranh giới giữa thành phần chú thích với những thành phần còn lại.

VD: Huế, thành phố thơ mộng bên bờ sông Hương, là kinh đô của nhà Nguyễn

Thành phần chú thích

- Dùng để phân định ranh giới giữa các thành phần ghép, giữa các vế của câu ghép (không có từ nối).

VD:

+ Dũng, Phương và Hồng đều là học sinh của tôi (thành phần ghép)

+ Mặt trời lên, sương tan dần (các vế của câu ghép).

- Khi chủ ngữ dài và phức tạp cũng có thể dùng dấu, để ngăn cách chủ ngữ và vị ngữ.

VD: Chỉ có thực hiện cải cách ruộng đất, người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi ách trói buộc của giai cấp phong kiến, mới có thể chấm dứt tình trạng bần cùng và lạc hậu của nông dân.

(Hồ Chí Minh)

1.5. Dấu chấm phẩy

- Dùng trong câu ghép đẳng lập không có từ nối (khi các vế câu khi đã trọn vẹn về mặt ngữ pháp nhưng vẫn liên hệ chặt chẽ với nhau về mặt ý nghĩa).

VD: Sáng tạo là một vấn đề rất quan trọng; không sáng tạo không làm cách mạng được. Lê Duẩn (có thể dùng dấu phẩy, dấu chấm ở vị trí; nhưng dùng; là tốt nhất).

- Dùng để ngăn cách các vế mà các vế này diễn đạt cùng một loại ý, trong một sự liệt kê nối tiếp nhau.

VD:

+ Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu lên như sau: yêu nước, yêu nhân dân; trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng; yêu lao động, coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng của mình...

(Trường Chinh)

+ Mỗi vế liệt kê có khi được viết qua hàng. VD:

- Tôi kêu gọi đồng bào và bộ đội ra sức bảo vệ đê điều;
- Đặt kế hoạch cho sát với tình hình địa phương;
- Động viên mọi người thi đua thực hiện đầy đủ kế hoạch ấy;
- Bình tỉnh trong mọi trường hợp.

(Hồ Chí Minh)

1.6. Dấu hai chấm.

- Dùng để báo hiệu sự xuất hiện của một phần có tác dụng thuyết minh cho điều đã trình bày trước đó.

+ Điều thuyết minh có thể là một lời thuật lại theo lối trực tiếp hoặc gián tiếp.

VD: • Lan hỏi: "Mấy giờ rồi?" (trực tiếp → có dùng dấu ngoặc kép)

• Ai đó đã từng nói: Sông sẽ oà khóc nếu nhìn nó mà anh không nhớ tới một vùng quê thời thơ ấu; biển sẽ tát vào mặt anh nếu nhìn nó mà anh không biết trẻ trung.

+ Điều thuyết minh có thể có tác dụng bổ sung, giải thích cho một từ, một vế trước đó.

VD: • Chiến dịch Điện Biên Phủ đã diễn ra trong một thời gian ngắn: 56 ngày đêm.

- Dùng để đặt trước các thành phần liệt kê:

Chúng tôi, gồm: A, B, C..., viết đơn này kính trình quý cấp một việc như sau.

- Đặc trước lời nói trực tiếp của nhân vật (trong cuộc đối thoại)

VD: Bà Trưng the thé.

- Thế thì hỏng mất thôi.

Ông lão cằn nhằn

- Hỏng là hỏng thế nào.

1.7. Dấu ngoặc kép

- Dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp

VD: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

- Dùng để thay đổi ý nghĩa của bộ phận đứng trong nó với mục đích mỉa mai, châm biếm.

VD: Anh là người "nhân đạo" lắm thì phải?

- Dùng để đánh dấu tên tác phẩm, tên tài liệu:

"Từ ấy" là tập thơ đầu tay của Tố Hữu

1.8. Dấu ngoặc đơn

- Dùng để chỉ ra ranh giới chú thích ở trong câu.

Cậu bé nhà bên (có ai ngờ)
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)

(*Giang Nam)*

- Nó có thể kết hợp với dấu chấm lửng (...) để thể hiện đoạn văn bản bị cắt bớt khi trích dẫn.

1.9. Dấu chấm lửng

- Dùng đầu, giữa hoặc cuối câu để thể hiện điều mà người nói không cần, không muốn không thể hoặc là khó diễn đạt hết (ý bị bỏ lửng).

VD:

- Bảo Ngọc, anh thật là... (Hồng Lâu Mộng)

- Diễn tả lời nói bị đứt quãng (vì xúc động, uất ức, nghẹn ngào, đau đớn...)

+ Bà ta gào lên trong tuyệt vọng: - Ông... bà... cứu... lấy con tôi.

- Biểu thị ý mỉa mai châm biếm, khôi hài hoặc báo hiệu một nội dung bất ngờ.

VD: Công nghệ... bán đề thi (tít báo)

- Dùng để ghi lại chỗ kéo dài của âm thanh.

VD: Reng... reng
Một canh... hai canh... lại ba canh

- Dấu chấm lửng đặt trong ngoặc đơn (...) để chỉ ra người trích dẫn có lược bớt đoạn trích dẫn.

1.10. Dấu gạch ngang

- Đặt trước các câu đối thoại.

- Nhiều đấy, ư em? Mấy tuổi rồi?

- Hai mươi

- Ờ nhỉ, tháng năm trôi.

- Dùng để chỉ ra thành phần chú thích.

Vì những lẽ trên, chúng tôi - chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - tuyên bố với thế giới rằng...

(Hồ Chí Minh)

(Chú ý: Ở đây có thể dùng dấu phẩy để thay thế hoặc dấu ( ).

- Dùng để đặt ở đầu các bộ phận liệt kê (mỗi bộ phận trình bày thành một dòng riêng).

VD: Thi đua yêu nước để:

- Diệt giặc đói

- Diệt giặc dốt

- Nó có thể được đặt giữa một số danh từ riêng, giữa những con số ghép để biểu thị một giai đoạn, một quá trình, một thời kỳ...

- Văn học thời kỳ 1954-1975

- Bệnh viện Việt - Xô...

(Cần phân biệt dấu gạch ngang với dấu nối. Dấu nối không phải là dấu câu, dấu nối dùng để phiên âm tiếng nước ngoài (Xta-lin, I-ta-li-a).

CÁC LỖI VỀ DẤU CÂU

1. NGẮT CÂU SAI QUY TẮC

a) Không đánh dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc

VD: Quảng cáo là một loại thông tin thị trường nhằm đưa tin tức về hàng hoá V một nhà kinh tế đã nói.

" Làm kinh doanh mà không quảng cáo khác nào nháy mắt với một bạn gái trong bóng tối, chỉ có mình bạn biết bạn làm gì V tuy nhiên thông tin quảng cáo không thể thay thế được thông tin thị trường do tính cục bộ, chủ quan của quảng cáo. Nếu mọi người tiêu dùng đều tin ở quảng cáo thì khác nào đổ thóc giống ra mà ăn.

Ví dụ trên gồm 4 câu, lẽ ra tác giả phải đánh dấu chấm ở những chỗ V.

b) Đánh dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc.

VD: Tuy không phải là tác phẩm nghệ thuật S_1. Nhưng ít nhất thông điệp quảng cáo phải phù hợp với thẩm mĩ người xem. Gần đây, VTV1 xuất hiện thông điệp quảng cáo cho tivi M của hảng M có sử dụng diễn viên N. Sau một loạt những pha đấm đá hết sức vô lý. S_2 Anh ta bỏ nạ ra và nói: "Sẽ còn đã hơn nếu xem - tivi M". Ngay cả xem bằng tivi củ của nhà mà đã thấy quá bực mình rồi. S_3 thì có sẽ xem bằng tivi mới của hảng M_1 chắc sẽ còn gai người hơn nữa.

- Ở 3 vị trí S_1, S_2, S_3 đã ngắt câu không đúng

- Sửa:

+ Ở vị trí ký hiệu S_1 và S_3 không dùng dấu câu (vì đó là các vế của câu ghép)

+ Ở vị trí ký hiệu S_2 phải là dấu phẩy (để ngăn cắt thành phần phụ trạng ngữ với các thành phần còn lại)

2. NGẮT CÁC BỘ PHẬN TRONG CÂU SAI QUY TẮC

a) Không đánh dấu để ngắt các bộ phận trong câu

VD: (.....) Con người tàng trữ chân lý mà cũng là một cái ổ bẩn thỉu đầy mờ ám và sai lầm. (.....) Người ta chém giết V hăm hiếp ở Châu Á V Châu Phi để lấy về châu báu và hồ tiêu. Trí tuệ và lòng dũng cảm của Crixtop Côlông cuối cùng rơi vào tay bọn săn vàng V chiếm đất và dẫn đến sự điêu tàn của người da đỏ cùng nền văn minh của họ.

- Ở các vị trí V cần có dấu phẩy.

b) Tuỳ tiện ngắt các bộ phận của câu khi không cần thiết.

Đàn voi Châu Phi chỉ còn 1/10, mỗi năm 5.000 con, S_1 bị giết chết chỉ để lấy ngà làm cán dao, quả bi - a và những thứ xa xỉ khác của những kẻ giàu có. Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ, La Tinh bị bóc lột thậm tệ, S_2 phải bán rừng để cầm hơi, dù rừng là mạng sống của đất nước. (Phụ san văn nghệ).

- Ở vị trí S_1: không thể đặt dấu phẩy giữa chủ ngữ và vị ngữ.

- Ở vị trí S_2: không thể đặt dấu phẩy vì, phải bán rừng để cần hỏi không thể là thành phần phụ chú thích của câu, nó là một vế của câu ghép.

3. LẪN LỘN CHỨC NĂNG CỦA CÁC DẤU CÂU

- Biểu hiện: thường gặp nhất là các hiện tượng.

+ Đánh dấu chấm hỏi sau những câu không phải là câu nghi vấn.

+ Đánh dấu than hỏi sau những câu không phải là câu cảm thán hay cầu khiến.

VD: Đến đây thấy không khí vui vẻ, ấm cúng lắm! Chủ bên Phú Ngọc xuống làm việc phải giữ kẻ lắm. S_1 vào nhà ông này chơi là ông kia nhòm ngó xem ăn uống cái gì? S_2 Bàn luận chuyện gì?

- Vị trí S_1: S_3 lẫn lộn chức năng giữa dấu chấm với dấu chấm than.

Câu này mặc dù có chứa một??????????? từ chỉ mức độ ***lắm*** nhưng nó vẫn là một câu nêu nhận xét của nhân vật (tức một câu tường thuật) → cần đặt dấu chấm chứ không phải là dấu chấm than.

- Ở vị trí S_2 + S_3: lẫn lộn chức năng giữa dấu phẩy (S_2), dấu chấm (S_3) với dấu chấm?

Câu này có từ nghi vấn ***cái gì, gì nhưng*** vẫn là một câu tường thuật, nó chỉ kể lại sự việc, không yêu cầu ai phải trả lời điều gì → cần đặt dấu phẩy ở S_2 và dấu chấm ở S_3.

+ Dùng dấu ngoặc kép ????? chỗ phải dùng ngoặc đơn và ngược lại.

+ Dùng dấu phẩy ở chỗ cần dùng dấu chấm và ngược lại.

+ Dùng dấu chấm phẩy ở chỗ phải dùng dấu phẩy và ngược lại....

VD: Đỉnh cao của công tác vệ sinh phòng ngừa bệnh ở các xã, phường, thị trấn là phong trào (dứt điểm 3 công trình vệ sinh).

→ Sai → Cần thay dấu ( ) bằng “”

; bằng ( )

BÀI TẬP

I. CHỈ RA VÀ CHỮA LỖI VỀ DẤU CÂU TRONG NHỮNG CÂU SAU

a) Để phòng ngừa tai biến này, tốt hơn hết là kiểm soát các yếu tố nguy cơ có liên quan đến sự tạo xơ vữa động mạch; (,) kiểm soát huyết áp; (,) bỏ thuốc lá, hạ cho lesterol, tạp thể dục để giảm cân nặng, (.) vào mùa mưa: người lớn tuổi nên tránh tắm nước lạnh, (;) nếu tắm không xối nước lạnh đột ngột, mà nên xối từng phần trước, tắm xong lau sạch, mặc đồ kín.

b) Nói đến cảnh quan Hà Tây, ca dao - dân ca nhắc nhiều đến núi Tản Viên, dãy núi nằm ở phía tây của tỉnh, và thắng cảnh Hương Sơn, có động Hương Tích đẹp nhất trời Nam.

c) Có được những kết quả này trong 50 năm qua (không), là do nổ lực to lớn của toàn ngành; do sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; do sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân. (thay; =,)

d) Họ chưa hiểu rõ cái gì là ưu điểm? (,) cái gì là hạn chế trong nền kinh tế thị trường? (.)

e) Chỉ nên tin và chấp nhận những gì hợp với sự xét đoán của mình, những gì mà khi vận dụng vào thực hành, sẽ đem lại niềm tin và hạnh phúc.

Dấu , thứ 2 + 3 $\rightarrow$ thừa

f) Anh ta nói với tôi nhưng thật cảm động! Và tôi (,) tôi không xét đoán gì thêm nữa? (.)

h) Quà (,) tôi nhất thiết từ chối, (.) (,) ăn có lúc còn đi, (.) nhưng thấy thì tôi không nhận lời.

i) Tôi đối với người, mà gia đình đã chọn cho tôi, chỉ kính chứ không yêu.

k) Quả thật tôi không biết nên giải quyết vấn đề ấy như thế nào và bắt đầu từ đâu (?) Anh có thể cho tôi một lời khuyên không (?). Đừng bỏ mặc tôi trong lúc này. (!).

m) Ngay từ thời Trần, nhà thơ Nguyễn Bá Thông đã ca ngợi nơi này là nơi: "Bạc vàng châu ngọc đầy rẫy chốn biên cương!"

n) Anh cần biết rõ ràng nó đi đâu? (•)

o) Quý khách đến tham quan nhà lưu niệm cần ghi nhớ những quan điểm sau!(:) Một là: (,) tắt thuốc lá trước khi vào.

Hai là: (,) bỏ giày dép ở ngoài.

2. ĐẶT DẤU CÂU VÀO VỊ TRÍ CẦN THIẾT

a.Có lần nhà văn nổi tiếng Becnasô nhận được một tập bản thảo truyện ngắn của một người đang tập viết văn, kèm theo 1 bức thư ngắn. thư viết: " Thưa ngài tôi xin trân trọng gửi tới ngài một số sáng tác mới của tôi, vì viết vội tôi chưa kịp đánh các dấu chấm dấu phẩy rất mong ngài đọc cho tôi và điền giúp tôi các dấu chấm, dấu phẩy cần thiết xin cảm ơn ngài"

Vốn là người hài hước, Becnaso bèn viết thư trả lời: " Anh bạn trẻ ạ tôi rất sẵn lòng giúp đỡ anh với một điều kiện là anh hãy đếm tất cả những dấu chấm dấu phẩy cần thiết rồi bỏ chúng vào phong bì gửi đến cho tôi chào anh."

b) Tôi đã đọc nhiều loại báo (:) nhân dân (,) Hà Nội mới Quân đội nhân dân. (;) Nhiều loại tạp chí như văn học ngôn ngữ và đời sống (...)

c) Sống chen chúc ở nơi trần trụi mà không có chiếc áo giáp sinh học che chở (,) người kẻ chợ người đô thị bị cắt đích mối quan hệ với cây xanh trở thành nạn nhân của mọi thứ ô nhiễm môi trường. Giữa (,) bê tông cốt thép nặng nề (,) bị cách biệt với thiên nhiên tươi đẹp (,) người thị dân không thể có nhận thức đúng đắn về giá trị vạn năng của thế giới cây và rừng.

d) Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi (,) về hình thức cũng như về tinh thần. Triều đại tuy bao lần hưng vong (,) giang sơn tuy bao lần đổi chủ (,) song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống của nhân dân (.) từ đời này snag đời khác (,) đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục (,) bấy nhiêu ý nghĩa (,) bấy nhiêu tin tưởng (,) cho đến nỗi yêu (,) ghét (,) vui (,) buồn, cơ hồ cũng nằm yên

trong những khuôn khổ nhất định (.) thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian.

(Hoài Thanh)

e. Có ông khách nọ đến cửa hàng đặt vòng hoa viếng bạn. ông dặn người bán hàng ghi lên băng tang: " Kính viếng bác X." Nhưng về đến nhà, nghĩ lại, thấy lời phúng còn đơn giản quá, ông bèn sai con chuyển cho người bán hàng một tin nhắn, lời lẽ như sau: " Xin ông làm ơn ghi thêm nếu còn chỗ linh hồn bác sẽ được lên thiên đàng."

Lúc vòng hoa được đem tới đám tang, ông khách mới giật mình. trên vòng hoa cài một dải băng đen với dòng chữ thật là nắn nót: " Kính viếng bác X. nếu còn chỗ, linh hồn bác sẽ được lên thiên đàng." Theo tạp chí Ngôn ngữ)

BÀI 5. LUYỆN VỀ ĐOẠN VĂN

Yêu cầu:

- Nắm được một số lỗi thường mắc khi viết đoạn văn, biết cách chữa lại thành đoạn văn chuẩn mực.

- Biết phát hiện và sửa lỗi về đoạn

- Tránh được các lỗi này

1. **Khái niệm**: Đoạn văn là đơn vị cơ sở, trực tiếp cấu thành văn bản, đứng trên câu, diễn đạt một nội dung nhất định, thường bao gồm 1 số câu, được mở đầu bằng chỗ lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm ngắt đoạn.

Một mặt đoạn văn cần phải bảo đảm sự thống nhất nội tại giữa các câu trong đoạn; mặt khác, đoạn văn phải thể hiện được mối quan hệ giữa mình với các đoạn văn khác trong cùng văn bản. nói cách khác, đoạn văn phải bảo đảm được tính hướng nội(để duy trì mối quan hệ giữa các câu trong đoạn) vừa phải bảo đảm được tính hướng ngoại(để duy trì mối quan hệ giữa các đoạn trong văn bản, để chứng tỏ nó là một phần của văn bản).

2. Một số lỗi tồn tại trong đoạn

2.1. Lỗi về nội dung

2.1.1. Lạc ý

- ***Biểu hiện lỗi:*** Các câu trong đoạn không tập trung vào một chủ đề mà bị phân tán hoặc đột ngột chuyển sang một chủ đề khác.

Vd: Trong ca dao Việt Nam, ***những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn cả.*** Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau chung sống, yêu nơi chôn nhau cắt rốn. Họ yêu người làng, người nước, yêu từ cánh đồng ruộng đến công việc trong xóm, ngoài làng...

⇒ Câu mở đầu mở ra nội dung của đoạn: ***Tình yêu nam nữ trong ca dao*** nhưng những câu lại nói đến những tình cảm khác.

- ***Cách khắc phục***

+ Nếu câu chủ đề đã phù hợp với nội dung toàn đoạn → giữ lại câu chủ đề + viết các câu còn lại có nội dung hướng vào câu chủ đề, làm sáng tỏ cho câu chủ đề.

+ Nếu câu chủ đề không phù hợp với sự phát triển ý của toàn đoạn → viết lại câu chủ đề + còn các câu triển khai phải có nội dung phù hợp với câu chủ đề, tập trung làm rõ câu chủ đề.

2.1.2. Thiếu hụt ý (nội dung phát triển không đầy đủ)

- Biểu hiện lỗi: Nội dung nêu trong câu chủ đề không được triển khai đầy đủ trong đoạn văn. Nghĩa là các câu đứng sau chưa lấp đầy ý cho câu chủ đề. Chúng ta có thể hình dung sự thiếu hụt ý trong đoạn văn, trong văn bản như sự thiếu hụt một phần nào đó của cơ thể người. Sự thiếu hụt đó dẫn đến tình trạng què quặt.

Vd: ***Cư dân Văn Lang rất ưa ca hát và nhảy múa***. Họ hát trong những đêm trăng hoặc ngày hội. Họ còn hát trong lúc chèo thuyền, săn bắn. Những nhạc cụ đem cho những điệu hát thường là trống đồng, khèn, sáo, cồng...

→Câu chủ đề trong của đoạn văn nêu ra hai nội dung: ***ca hát và nhảy múa.*** Nhưng khi triển khai, đoạn văn này chỉ đề cập đến nội dung ca hát còn nội dung nhảy múa chưa được nói tới → mắc lỗi: triển khai thiếu hụt ý.

- ***Cách khắc phục:*** viết thêm một số câu nữa để bổ sung cho ý (được nêu trong câu chủ đề của đoạn, của văn bản) chưa được triển khai đầy đủ.

Vd: Một văn bản trình bày về "tinh thần yêu nước của con người Việt Nam" phải thấy được các biểu hiện:

- Tinh thần yêu nước của con người trong chiến đấu

- Tinh thần yêu nước của con người trong lao động sản xuất

Hoặc:

- Tinh thần yêu nước của con người trong công cuộc chống ngoại xâm

- Tinh thần yêu nước của con người trong sự nghiệp xây dựng đất nước

→ Nếu các đoạn văn trong văn bản triển khai thiếu một trong những biểu hiện trên→ Thiếu hụt ý

Thực hành: Anh (chị) hãy xác lập những ý chính cho vấn đề ***Lợi ích của việc học văn***

(Gợi ý:

- Học văn giúp ta hiểu cuộc sống sâu sắc, phong phú hơn thông qua các hình tượng văn học

- Học văn giúp ta bồi dưỡng những tư tưởng và tình cảm đúng đắn

- Học văn giúp ta rèn luyện lời ăn tiếng nói thêm tinh tế

- Học văn giúp ta nâng cao năng lực tư duy hình tượng

- Cao hơn nữa, học văn giúp ta bồi dưỡng tình cảm thẩm mỹ

2.1.3. Ý trùng lặp

- ***Biểu hiện lỗi***: Đoạn văn có nhiều câu nói đi nói lại một ý làm cho đoạn văn luẩn quẩn, "dậm chân" tại chỗ, ý nghèo nàn và hậu quả là không làm sáng tỏ được chủ đề của đoạn.

Vd: Có người khi giải thích câu nói "Không có gì quý hơn độc lập tự do" đã triển khai các luận điểm sau :

a) Độc lập tự do quý hơn của cải vật chất

b) Độc lập tự do quý hơn cuộc sống giàu sang, phú quý

c) Độc lập tự do quý hơn tính mạng cá nhân

d) Độc lập tự do quý hơn hạnh phúc riêng tư

→ ý b lặp lại ý a

2.1.4. Mâu thuẫn ý

- Biểu hiện lỗi: **Đ**oạn văn, văn bản có chứa các ý trái ngược, không ăn khớp thậm chí mâu thuẫn nhau.

Vd: Trong một văn bản phân tích nhân vật Huấn Cao (trong tác phẩm *Chữ người tử tù*) có người đã đưa ra các ý sau:

a) Con người tài hoa (văn võ song toàn)

b) Con người khí phách (mưu việc lớn, chống lại triều đình thối nát, khi bị bắt tư thế vẫn hiên ngang).

*c) Con người của thiên lương trong sán*g (quý trọng cái đẹp của tâm hồn "nhất sinh đê thủ bái mai hoa" + "ta sợ phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ")

d) Con người kiêu ngạo → ý này mâu thuẫn với ý c (một con người biết tôn trọng mình, tôn trọng người, biết tự ý thức, tự bứt mình ra khỏi "mồi thú quý, bả vinh hoa" để mưu việc lớn không thể là người kiêu ngạo).

- Cách khắc phục: Thủ tiêu sự mâu thuẫn đó bằng cách chữa lại ý của các câu cho phù hợp với nhau, phù hợp với thực tế khách quan hoặc bỏ câu mâu thuẫn với những câu còn lại đi.

2.1.5. Loãng ý (loãng chủ đề)

- Biểu hiện lỗi: Người viết dành quá nhiều câu để triển khai ý phụ trong khi ý chính lại ít được chú ý, chỉ được nói tới một cách qua loa đại khái. Nội dung đoạn văn vì thế bị dàn trải, phân tán gây nên tình trạng loãng ý.

Vd: Bên cạnh con cò, ***con trâu được nói tới nhiều hơn cả trong ca dao, dân ca Việt Nam.*** Con trâu không mấy lúc thảnh thơi, cho nên khi nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn của mình, người nông dân thường nghĩ đến con trâu. ***Con cò*** tuy có vất vả, tuy phải lặn lội bờ sông nhưng có lúc còn được bay lên trời xanh. ***Con cò, con vạc, con nông*** là những con vật gần gũi với người lao động. Chúng mang nhân đức tính cần cù, chịu khó của người nông dân chân lấm tay bùn...

→ Câu mở đầu của đoạn văn cho biết đoạn văn sẽ trình bày *về hình ảnh con trâu trong ca dao, dân ca Việt Nam.* Nhưng trong khi triển khi ý, đoạn văn lại nói nhiều tới *con cò, con vạc, con nông.* →Đoạn văn bị loãng ý.

- Cách khắc phục: Mạnh dạn lược bỏ các câu triển khai ý phụ. Tăng số lượng câu diễn đạt ý chính

2.1.6. Ý lộn xộn, trình tự không hợp lý

Các câu trong đoạn, các đoạn trong văn bản, tự thân không chỉ đúng mà còn phải bảo đảm đứng ở vị trí hợp lý trong đoạn, trong văn bản. Nếu sai trình tự, sai vị trí thì đoạn văn, văn bản sẽ thiếu chặt chẽ, không đủ sức thuyết phục.

Vd: Khi xác lập nội dung chính cho một văn bản trình bày về *Tình cảm của con người Việt Nam qua ca dao* có người đã xây dựng những thành tố nội dung sau:

(1) Tình cảm gia đình đằm thắm

(2) Tình làng xóm, quê hương thắm thiết

(3) Tình yêu thiên nhiên

(4) Tình yêu lứa đôi mộc mạc mà sâu nặng

→ Ý lộn xộn → cần hoán đổi thành tố (4) và (3)

Hoặc có thể theo trình tự:

- Tình yêu con người

+ Tình cảm đối với gia đình

+ Tình cảm làng xóm

+ Tình cảm nam nữ

- Tình yêu thiên nhiên

2. 2. Lỗi về hình thức

2.2.1. Lỗi về cấu tạo

2.2.1.1. Lỗi không tách đoạn

- *Biểu hiện lỗi:* Các đoạn khác nhau trong văn bản không được tách ra bằng các dấu hiệu hình thức: không tách đoạn bằng cách chấm xuống dòng, thụt đầu dòng (ở đoạn tiếp theo). Lỗi này phương hại đến quá trình tạo lập + lĩnh hội văn bản

- *Cách khắc phục:* + Đặt dấu chấm để kết thúc một đoạn

+ Thụt đầu dòng cho đoạn tiếp sau

2.2.1.2. Lỗi tách đoạn tuỳ tiện, ngẫu hứng

- *Biểu hiện lỗi:* Người viết không có căn cứ, cơ sở nào mà vẫn tuỳ tiện tách đoạn (khi đang trình bày dang dở một ý).

Vd: (1) Tổng kết sự phát triển kinh tế của nhiều nước trong những thập kỷ qua, nhiều nhà kinh tế học đã nhấn mạnh ***vai trò của nhân tố con người.*** (2) Thực tế phát triển của nền kinh tế nước ta vừa qua cũng chứng minh rằng không thể coi nhẹ nhân tố con người.

(3) Bởi lẽ toàn bộ của cải vật chất đều do con người tạo ra. (4) Chính phẩm chất và năng lực tinh thần của con người được vật chất hoá trong quá trình lao động sản xuất.

→Câu (3) + (4) bị tách khỏi câu (1), (2) thành một đoạn riêng → bất hợp lý vì các câu (1), (2), (3), (4) đều nói tới vai trò của con người trong sự phát triển kinh tế → chúng phải cùng nằm trong một đoạn.

- *Cách khắc phục:* chỉ phân đoạn khi có cơ sở, có căn cứ

Chú ý: Cần thấy rõ sự khác nhau giữa việc tách đoạn tuỳ tiện với việc tách đoạn vì mục đích tu từ.

Tách đoạn theo mục đích tu từ là cách tách đoạn nhằm nhấn mạnh ý, thể hiện sự độc đáo, thể hiện phong cách riêng của người viết trong việc sử dụng ngôn ngữ (việc tách đoạn như thế này chủ yếu được dùng trong các văn bản văn chương).

Vd: *Đường phố bắt đầu hoạt động và huyên náo. Những chiếc xe vận tải nhẹ, xe lam, xe xích lô nườm nượm chở hàng hoá và thực phẩm từ vùng ngoại ô về chợ Bến Thành, Cầu Muối đánh thức cả thành phố dậy bởi những tiếng máy nổ giòn.*

Thành phố mình đẹp quá! Đẹp quá đi!(Nguyễn Mạnh Tuấn)

2.2.2. Lỗi về phương tiện liên kết

- *Biểu hiện lỗi:* Hai câu đứng cạnh nhau (thuộc về một đoạn), hai đoạn(thuộc về một văn bản) trong trường hợp cần có phương tiện liên kết mà lại

thiếu các phương tiện liên kết thì khó hiểu được quan hệ của chúng. Lỗi này làm cho các câu trong đoạn, các đạn trong văn bản ít gắn bó với nhau→ tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau về quan hệ giữa chúng→ nội dung đoạn văn, văn bản trở nên mơ hồ, thiếu chặt chẽ.

- *Cách khắc phục:* Chọn phương tiện liên kết thích hợp đặt vào chỗ cần thiết.

Vd: (1) ***Thuý Kiều và Thuý Vân*** đều là con gái của ông bà Vương Viên Ngoại. (2) ***Nàng*** là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, sống hạnh phúc với cha mẹ.

→ Câu 1 nói đến hai người: ***Thúy Kiều*** + ***Thuý Vân*** nhưng sang câu 2 người ta dùng từ ***nàng*** để liên kết với câu 1 là chưa được.

→ Chữa lại: ***Họ*** là những thiếu nữ...

2.2.3. Lỗi về lập luận

- Đứt mạch

+ *Biểu hiện lỗi:* Người đọc cảm thấy bị hụt hẫng trong mạch tư duy, suy nghĩ và tiếp nhận do đoạn văn không có sự phát triển đều đặn,liên tục

+*Nguyên nhân:* Người viết có thể do vội vàng, có thể do nhận thức hạn chế nên chưa có đủ những lý lẽ + dẫn chứng thuyết phục mà đã vội đi đến kết luận.

Vd: *(1) Nam Cao viết nhiều về nông thôn. (2)Lão Hạc ăn bả chó tự tử để tránh đói.(2) Bà Tý chết vì một bữa no.(3) Lại có cả cảnh đám cưới, nhưng cưới để chạy đói...*

→ Giữa câu (1) và những câu còn lại có hiện tượng đứt mạch.

Câu 1 mở ra một vi phạm quá rộng → người đọc có tâm lý chờ đợi một sự triển khai "đúng tầm" với phạm vi đó. Thế nhưng những câu sau lại đột ngột thu vào những sự việc quá chi tiết.

- *Cách khắc phục*

+ Giới hạn lại phạm vi của câu chủ đề + giữ nguyên các câu khai triển

+ Giữ câu chủ đề + triển khai các câu còn lại cho "đúng tầm" với câu chủ đề.

+ Tuân thủ nguyên tắc: Bảo đảm cho các ý trong đoạn phát triển theo từng nấc, từng bậc đều đặn và liên tục

+ Thêm ý vào để bù đắp sự hụt hẫng của nội dung

→ Đoạn văn trên có thể sửa lại câu chủ đề: *Nam Cao viết nhiều về cảnh thê thảm của người nông dân nghèo đói*

- Một số lỗi khác:

+ Lập luận luẩn quẩn, lang thang, không mạch lạc, rõ ràng

+ Lập luận lủng củng, không trôi chảy

+ Lập luận, dàn trải, không trọng tâm

BÀI TẬP

1. Xác định câu chủ đề (nếu có) hoặc xác định ý chính, mô hình cấu trúc, phương pháp lập luận trong những đoạn văn sau:

a) Nhà chính trị thường chú ý đến cái tất yếu, đến logic, cái cần phải làm, còn nghệ sĩ lại quan tâm đến những gì xảy ra đằng sau cái logíc ấy. Đối với nhà văn, quan trọng không phải chỉ mặt trước của một tấm huân chương mà còn cả mặt sau của nó, quan trọng không phải là chiến thắng mà còn là cái giá của những mất mát hi sinh để giành được nó. Nghệ sĩ thực sự không phải chỉ hồ hởi, kiêu hãnh nhìn những đội quân rầm rập diễu hành qua quảng trưởng mà còn nhìn thấy cả giọt nước mắt của người mẹ mất con, người thương binh trong giờ phút vui chung ấy. (Lê Ngọc Trà)

b) Vầng trăng Xuân Diệu là "trăng vú mộng của muôn đời thi sĩ", gió trong thơ Xuân Diệu là "gió canh khuya hay nghìn ngón tay ôm". Còn hoa trong thơ Xuân Diệu thì không thể phân biệt là hoa hay là những thiếu nữ đa tình và biển. Biển trong thơ Xuân Diệu đúng là một tình nhân đắm say, một trái tim vĩ đại không bao giờ mệt mỏi.

c) ***Nhật ký trong tù*** *canh cánh một tấm lòng nhớ nước. Chân bước đi trên đất Bắc mà lòng vẫn hướng về Nam, nhớ đồng bào trong cảnh lầm*

than, có lẽ nhớ tiếng khóc của bao nhiêu em bé Việt Nam qua tiếng khóc của một em bé Trung Quốc, nhớ người đồng chí tiễn đến bến sông, nhớ lá cờ nghĩa đang tung bay phấp phới. Nhớ lúc tỉnh và nhớ cả trong mơ.

(Hoài Thanh)

d) Chúng (đế quốc Mỹ) ồ ạt mang gần 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta. Chúng nuôi dưỡng ngụy quyền, ngụy quân làm công cụ phản dân hại nước. Chúng dùng những phương tiện chiến tranh cực kỳ mạn rợ như chất độc hoá học, bom napan... Chúng dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Bằng những tội ác ấy, chúng hòng khuất phục đồng bào miền Nam nước ta. (Hồ Chí Minh)

e) Kĩ thuật tranh làng Hồ đã đạt tới sự *trang trí tinh tế, những bộ tranh tố nữ áo màu, quần hoa trên nền đen lĩnh, một thứ màu đen rất Việt Nam. Màu đen không pha thuốc mà luyện bột than của những chất liệu gợi nhắc tha thiết đến đồng quê đất nước: than của rơm nếp, than của cói chiếu và than của lá tre mùa thu rụng lá. Có màu trắng điệp cũng là một sự sáng tạo góp vào kho tàng màu sắc của dân tộc trong hội hoạ. Màu trắng ấy càng ngắm càng ưa nhìn, những hạt cát của điệp trắng nhấp nhánh muôn ngàn hạt phấn làm tăng thêm vẻ "thâm thuý" cho khuôn mặt, tăng thêm sức sống cho dáng người trong tranh.*

f) Nhưng nếu Kiều là một người yếu đuối thì Từ là kẻ hùng mạnh, Kiều là một người tủi nhục thì Từ là một người vinh quang. Ở trong cuộc sống, mỗi bước chân Kiều đều vấp phải một bất trắc thì trên quãng đường ngang dọc, Từ không hề gặp khó khăn. Suốt đời Kiều sống chịu đựng, Từ sống bất bình, Kiều quen tiếng khóc, Từ quen tiếng cười. Kiều đội trên đầu nào trung, nào hiếu thì trên đầu Từ chỉ là một khoảng trống không"nào biết trên đầu có ai". Nếu Kiều lê lết trên mặt đất liền đầy những éo le trói buộc thì Từ vùng vẫy trên cao phóng túng, tự do. Kiều là hiện thân của mối mặc cảm tự ti, còn Từ là nguyên hình của mối mặc cảm tự tôn. (Trích Vũ Hạnh)

g) Trên cơ thể người có những cơ quan thoái hoá tức di tích của những cơ quan xưa kia khá phát triển ở động vật có xương sống. Ruột thừa là vết tích ruột tịt đã phát triển ở động vật ăn cỏ. Nếp thịt nhỏ ở khoé mắt là dấu vết mi mắt thứ ba ở bò sát và chim. Mấu lồi ở mép vành tai phía trên của người là di tích đầu nhọn của vành tai thú. (Trần Bá Hoành)

h) Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ ở khu vực Trung Đông. Năm 1946, dưới áp lực đấu tranh của nhân dân, đế quốc Pháp đã buộc phải công nhận nền độc lập của Xi-Ri, Li Băng.Cuộc cách mạng của nhân dân Irắc ngày 14/7/1958 đa xoá bỏ chế độ quân chủ tồn tại lâu đời, lật đổ chính quyền độc tài tay sai đến quốc Nuri Xait và phá vỡ khối quân sự xâm lược Bát Đa do các đế quốc Anh, Mỹ lập ra ở Trung Đông... Đó là những thắng lợi hết sức to lớn và có ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở khu vực Tây Đông. (Nguyễn Anh Thái)

i)Những phát hiện của các nhà khảo cổ nước ta chứng tỏ Việt Nam xưa kia đã từng là nơi sinh sống của người vượn. Năm 1960 tìm thấy ở núi Đọ (Thanh Hoá) nhiều thạch đá, mảnh tước, rìu tay có tuổi 40 vạn năm. Cùng năm đó, phát hiện ở núi Voi, cách núi Đọ 3km, một di chỉ xưởng (vừa là nơi cư trú, vừa là nơi chế tạo công cụ) của người vượn, diện tích 16 vạn m^2. Ở Xuân Lộc (Đồng Nai) cũng đã tìm thấy công cụ đá của người vượn.

(Trần Bá Hoành)

j) Trong khi đánh giá đúng thành tựu, chúng ta cần thấy rõ những tồn tại và yếu kém. (...) Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

(Báo cáo chính trị của BCH TW VII)

k) Thơ Mới không nói đến đấu tranh cách mạng, đó là nhược điểm lớn, và thơ Mới nói chung buồn. Đó là nỗi buồn của cả một thế hệ người trong

xã hội thực dân, nửa phong kiến, nó thành ra nỗi buồn về số kiếp con người, cái buồn tưởng như là bản chất của cuộc đời.(...) Nhưng cái buồn của thơ Mới đâu có phải đều là uỷ mị. Nỗi buồn của ***con hổ nhớ rừng*** *là chan chứa về giang san, đất nước chứ! Nỗi buồn trong bài Trang Giang không phải là lòng yêu quê hương đó sao.*(Huy Cận)

m) Chí Phèo là một thằng cùng hơn cả thằng cùng. Hắn không cha, không mẹ. Hắn không người thân thích, họ hàng. Hắn không nhà, không cửa, không tấc đất cắm dùi.

n) Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là về thơ Nôm. Mà trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu: ***Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm...*** *Bài* ***Thu vịnh*** *có phần hơn hết, nhưng ta vẫn phải nhận bài* ***Thu điếu*** *là điển hình cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam ở Bắc bộ.* (Xuân Diệu)

o) Cuộc đời tôi là một chuỗi nếu như. Từ nhỏ tôi chỉ mong muốn là một ông chủ trại như bố tôi, và không chịu học nếu như mẹ tôi không bắt tôi phải sống ở Luân Đôn. Tôi sẽ trượt trong kỳ thi vào đại học y, nếu như tôi không phải là một thanh niên giỏi bơi lội, có thể đại diện cho nhà trường trong những Olympic thể thao của sinh viên. Tôi sẽ suốt đời làm một thầy thuốc nông thôn, nếu như giáo sư Wright không chọn tôi làm phụ tá cho ông tại phòng thí nghiệm riêng, nơi tôi tìm ra Pênêxinin. Phát minh này, tôi dự tính phải 15 - 20 năm mới triển khai được trong thực tế, nếu như chiến tranh thế giới không xảy ra, thương vong không nhiều đến mức các loại thuốc chưa kiểm tra cũng được phép sử dụng, thì pênêxinin chưa chứng minh được công hiệu của mình và bản thân tôi chưa được giải Nobel.

(Fleming trả lời giới báo chí năm 1945 lúc ông đạt giải Nobel)

2. Chỉ ra phương thức và phương tiện liên kết giữa các câu trong những đoạn văn và văn bản sau:

a. **Sau cơn mưa**

(1) Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi. (2) Những đoá râm bụt thêm màu đỏ chói. (3) Bầu trời xanh bóng như vừa được gội rửa. (4) Mấy đám mây bông trôi nhởn nhơ, sáng rực lên trong ánh mặt trời.

b) (1) Những con ngan mới nở được 3 hôm thật là xinh xắn. (2) Chúng có bộ lông vàng óng. (3) Một màu vàng đáng yêu nhú mầm của những con tơ non mới guồng(4) Nhưng đẹp nhất vẫn là đôi mắt. (5) Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền. (6) Những hạt cườm lóng lánh đưa đi đưa lại như có nước. (Tô Hoài)

c) (1) Hồ Chủ Tịch đã qua đời. (2) Nhưng người đã để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quí giá. (*3) Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử vinh quang của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

d) (1) Ở Côn Đảo có hai tình cảm lớn. (2) Một là tình thương.(3) Hai là bất khuất.(4)Tình thương ta giữa ta và bất khuất trước quân thù.

(Chế Lan Viên)

e) Chắc còn lâu khói thuốc lá mới biến mất trên thế gian này. Nhưng rõ ràng hiện nay đang có xu thế chống lại việc hút thuốc trong các hoạt động tập thể. Có ban giám đốc xí nghiệp cấm hút thuốc lá trong giờ làm việc, vì họ tính ra rằng, những người hút thuốc lá làm xí nghiệp thiệt hại mỗi năm một số tiền rất lớn. Có ban giám đốc lại chơi "độc" hơn, ra lệnh ai muốn hút thuốc thì ra ngoài đường mà hút, nghĩa là phải trèo lên trèo xuống nhiều lần mà không được dùng thang máy. (Phép đối, lặp, nối)

(Theo Hà Trúc Hoan - Kỹ thuật hành văn)

f) (1) Một tên phản bội đã nhận mặt chị ngay trên đường vào thành phố.(2) Không còn nhiều điều gì nó không biết về chị cả. (3) Chị hoạt động từ hồi ở Bến Tre như thế nào.(4) Đã nhất quyết không khai như thế nào. (5) Được tha, tỉnh uỷ đưa chị về Sài Gòn nằm im một thời gian, lại hoạt động. (6) Lại bị bắt.(7) Bị đánh.(8) Nhất quyết không khai.(9) Lại thả. (10) Lại tiếp

tục hoạt động. (Nguyễn Mạnh Tuấn) (*Thế, tỉnh lược, lặp, liên tưởng nhân quả.*

3. Viết câu chủ đề cho những đoạn văn sau:

a) Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý. Sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông. Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người. Sở khanh vì tiền mà táng tận lương tâm. Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác.

*b) Có rất nhiều động vật quý sống trong rừng. Đó là các loài chim, các loài thú. Trong rừng còn có nhiều thực vật quý, đó là những cây dược liệu, cây cho hoa, cây cho quả làm thức ăn nuôi sống con người.(gợi ý:*Rừng chính là ngôi nhà chung cho các loại động thực vật cùng cư trú*).*

c) Nhân vật Tràng làm ta cảm nhận thấm thía nỗi cơ cực của một kiếp người và lòng ham sống vốn là bản chất của con người. Người vợ nhặt, một số phận hẩm hiu không có đến một cái tên, khiến ta nghĩ đến giá trị của một con người rẻ mạt đến mức nào trong cái thời nạn đói khủng khiếp. Còn bà mẹ Tứ làm sáng lên phẩm chất của những người bị đoạ đầy trong nghèo khó, một bà mẹ giàu đức hi sinh. (gợi ý: Mỗi nhân vật "Vợ nhặt" đều nhằm làm sáng tỏ những khía cạnh khác nhau của chủ nghĩa nhân văn)

4. Với chủ đề tự chọn, hãy viết 5 đoạn văn(mỗi đoạn 4-6 câu) theo các mô hình cấu trúc sau:

- m - k - a

- m - a

- a - m

- a

- m_1 - a_1 - m_2 - a_2

5. Từ câu chủ đề đã cho dưới đây, hãy viết các câu triển khai để có được những đoạn văn hoàn chỉnh:

- Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của thế hệ trẻ

- Rừng của chúng ta có nhiều loại gỗ quý

- Tập thể dục là một cách tốt để bảo vệ sức khoẻ

- Sách mở ra trước mắt chúng những chân trời mới

6. Những tập hợp câu dưới đây có liên kết với nhau không?Nếu có, tính liên kết giữa các câu được thể hiện ở những mặt nào?

a) Hắn xuất hiện trong phòng hỏi cung như một bóng ma.Toàn thân màu đen. Áo măng tô đen. Quần ống loe đen. Giày da đen. Và cặp kiếng gọng bự đen xì gắn kín lấy đôi mắt. Mặt lạnh lẽo cô hồn, một vết chém xả trên má trái khiến cho quai hàm bạch ra như muốn vỡ rời khỏi khuôn mặt. Hắn bước nhẹ lại gần lại người tù. Và đột nhiên cười gằn. Tiếng cười được căn phòng kín bịt bùng như địa ngục khuyếch đại, kéo dài thành chuỗi âm thanh nghe ghê rợn.

b) Thời tiết ở Huế thật là khắc nghiệt và thất thường. Khi mưa thì mưa dầm dề, dễ đến cả tháng cũng không thấy mặt trời. Và lạnh như cắt da cắt thịt. Còn khi trời nắng, nắng đến hoa cả mắt. Lúc nóng thì nóng như thiêu như đốt. Ngay cả khi trời đang nắng chang chang cũng không một ai dám khẳng định là hôm nay trời không mưa.

c) Tôi trở về quê hương. Tôi cũng tính thêm rằng: sau khi về thăm mẹ, khi mẹ nhìn thấy mặt trời, mừng tôi còn sống, vẫn khoẻ, người ân tâm rồi, bấy giờ tôi sẽ tính một cuộc du lịch xa xôi.

Tôi rẽ cỏ tìm lối về...

Đường về xa lắc, xa lơ... (.Tô Hoài)

(*Gợi ý:* tách đoạn, theo mục đích tu từ)

5. Tổ chức các nhóm câu sau thành 1 đoạn văn hoàn chỉnh:

a. Nhóm 1

1) Trước sức ép đấu tranh của quần chúng nhân dân, tháng 10/1947, đế quốc Anh buộc phải kí Hiệp ước Anh - Miến công nhận Miến Điện là một nước độc lập.

(2) Sau chiến tranh thế giới thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Liên minh tự do nhân dân chống phát xít, phong trào giải phóng dân tộc lên cao ở Miến Điện.

(3) Ngày 4/1/1948, Liên bang Miến Điện chính thức được thành lập.

(4) Từ sau khi giành được độc lập, Miến Điện theo đường lối trung lập - không tham gia bất cứ liên minh quân sự, chính trị nào.

b) Nhóm 2:

(1) Nói như vậy, có nghĩa là, một từ mới hay một thuật ngữ mới, khi được dùng trên báo chí hay các chương trình phát thanh và truyền hình thì thường đã được chuẩn hoá về mặt ngữ âm, cách viết, về mặt ngữ nghĩa, cảnh huống sử dụng...

(2) Vai trò quan trọng khác của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phát triển ngôn ngữ là việc chuẩn hoá ngôn ngữ.

(3) Hoặc có những từ trước đó họ dùng chưa đúng, phát âm hay viết chưa đúng, nhưng nay qua các phương tiện thông tin đại chúng, họ đã tự sửa được những sai sót đó.

(4) Người nghe hay độc giả khi tiếp thu các từ mới này đã tiếp thu ngay dạng chuẩn của nó và cách sử dụng.

(Nguyễn Khuê -Chính sách ngôn ngữ ở CH Philippin)

c) Nhóm 3:

(1) Mấy chú kể trộm đã cho Vện ăn bả

(2) Vện nằm cứng đờ, đuôi không biết ngoe nguẩy nữa, cái mắt trắng dã bất động.

(3) Thì ra "ma không thương người ốm, kẻ trộm không thương người nghèo".

(4) Nếu Vện no nê như chó nhà người ta thì nó không thèm ăn bả va nếu có ăn thì bả ít ngấm cứu được.

(5) Vện đói nên bụng trương lên toàn bả.

(Gợi ý sắp xếp: (1), (2), (5), (4), (3))

6. Tách đoạn cho những tập hợp câu dưới đây. Chỉ ra cơ sở cho việc tách đoạn ấy:

a) Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi, đem lại cái lạnh tê tái. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất, tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường. Gần trưa, mây mù tan, bầu trời sáng ra và cao hơn. Phong cảnh hiện ra rõ rệt. Trước bản rặng đào đã trút hết lá. Trên những cành khẳng khiu đã lấm tấm những lộc non và lơ thơ những cánh hoa đỏ thắm đầu mùa. Những cây thông già như bất chấp cả thời tiết khắc nghiệt. Trời càng rét, thông càng xanh lá thông vi vu một điệu đàn bất tuyệt...(Tiếng Việt 3)

*b) Vía là cái làm hoạt động các quan năng - những nơi cơ thể tiếp xúc với môi trường xung quanh. Đàn ông có 7 vía cai quản 7 lỗ trên mặt: 2 tai, 2 mắt, 2 lỗ mũi và miệng. Phụ nữ thì có thêm 2 vía cai quản nơi sinh đẻ và nơi cho con bú. Ba hồn, theo một cách giải thích uyên bác, gồm tính, khí và thần. Tính là sự tinh anh trong nhận thức (nhờ các quan năng, các vía mang lại) khí là khí lực, là năng lượng làm cho cơ thể hoạt động. Thần là thần thái, là sự sống nói chung. (*Trần Ngọc Thêm)

7.Chỉ ra lỗi và chữa lỗi cho những đoạn văn sau:

a) Thuý Kiều và Thuý Vân đều là con gái của ông bà Vương Viên Ngoại. Họ là những thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, sống hạnh phúc cùng cha mẹ. Vẻ đẹp của Kiều hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn. Còn Vân lại có nét đẹp đoan trang, thuỳ mị. Về tài năng thì ***nàng*** *hơn hẳn Thúy Vân.* ***Vì vậy****, nàng đâu có được hạnh phúc.*(Sai phương tiện liên kết)

b) Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt ***thời nào cũng có. Hai Bà Trưng*** *phất ngọn cờ hồng khởi nghĩa đánh tan quân Thái thú Tô Định, buộc hắn phải trốn vào đánh loạn quân rút chạy về nước.* (Triển khai ý thời nào cũng có còn bị thiếu hụt + đứt mạch ý)

c) (1) Lịch sử ta đã ghi lại biết bao trang sử hào hùng về những vị anh hùng dân tộc.(2) Ngô Quyên đánh tan quân xâm lược Nam Hán. (3) Nguyễn

Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh.(4) Lê Lợi phá tan quân Minh. (5) Và Trần Hưng Đạo đã lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân Nguyên giành độc lập.

(Trình tự không hợp lý→ sắp xếp lại:(1), (2) (5), (4), (3)

BÀI 6. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN

1. Khái niệm

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người. Hoạt động ngôn ngữ diễn ra dưới hai hình thức nói và viết. Sản phẩm mà hoạt động ngôn ngữ tạo ra chính là văn bản.Như vậy, văn bản là thuật ngữ dùng đề chỉ sản phẩm giao tiếp bằng ngôn ngữ ở cả dạng nói lẫn dạng viết. Nó bao gồm một hay nhiều câu, nhiều đoạn, có tính trọn vẹn về nội dung, tính hoàn chỉnh về hình thức, thực hiện một hoặc một số mục đích giao tiếp nhất định.

Ví dụ: Dưới đây là một văn bản

HÀM RĂNG VÀ NỤ CƯỜI

Những người có duyên thường được chung một điểm. Họ luôn luôn tươi tắn, dịu dàng. Và nhiều lúc cái duyên được thể hiện bằng nụ cười hồn nhiên. Nụ cười đẹp gieo vào lòng người một cảm giác xao xuyến, khó quên:

- Mình về có nhớ ta chăng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười

- Năm quan mua lấy nụ cười

Mười quan chẳng tiếc tiếc người răng đen.

- Những cô hàng xén răng đen

Cười như mùa thu toả nắng.

Từ xa xưa, hàm răng đên nhánh và nụ cười con gái đã là ấn tượng sâu sắc cho kí ức của kẻ ở người đi. Rồi hàm răng trắng bóng, hàm răng có chiếc răng khểnh càng gợi nhớ, gợi thương, càng thêm vẻ duyên dáng cho người phụ nữ. Cười là vũ khí lợi hại của sự duyên dáng.Dù người con gái không đẹp bên ngoài nhưng nếu có nụ cười tươi trẻ và hợp lúc thì đó là món trang sức tuyệt vời tô điểm cho khuôn mặt thêm dễ ưa. Ngược lại một khuôn mặt dẫu xinh đẹp mà luôn thiếu vắng nụ cười, lúc nào cũng âu sầu buồn bã hay lạnh giá nhưbăng thì cũng khó gây thiện cảm, khó tránh khỏi sự tẻ nhạt vô duyên.

Nụ cười chứa đựng nhiều hàm ý. Đó là một lời chào, một lời xin lỗi, một lời cảm ơn…Đó là sự e lệ, vui mừng, điều ngượng ngùng,niềm cảm thông…Không phải bỗng dưng những người từng trải nhất thường nhắn nhủ: mọi yêu cầu đều có thể ithực hiện khi kèm thêm một nụ cười.

Nụ cười cũng như lời chào nào có mất tiền mua và cũng không dễ dàng có tiền mà mua được.

Nhưng phải chăng cái cười đồng nghĩa với sự duyên dáng? Trong đời thường ai chẳng từng nghe về một " nụ cười vô duyên", nụ cười mà cổ nhân nói là: " cười hở mười cái răng".

Vậy ra cười niều khi lại hoá thành vô duyên.Sự vô duyên sâu xa nhất, gốc rễ nhất chính là sự vô tình. Có ai vừa lòng khi nghe tiếng cười trong khung cảnh:

Tưởng rằng chị ngã em nâng

Ai dè chị ngã em bưng miệng cười.

Cũng không hay ho gì khi cười nhạo khuyết tật của người khác, cười trong

Cười vừa đánh vào đôi mắt vừa đánh vào đôi tai nghĩa là cái cười không chỉ khiến hình ảnh tồn tại mãi trong lòng người theo kiểu" ta về ta

nhớ hàm răng mình cười" mà còn là tiếng cười lại vang lên với những âm thanh gợi cảm .

Cười thành tiếng bản chất nó không có lỗi, nhưng vấn đề là nó liên quan tới xung quanh. Đó là lí do để chúng ta thận trọng khi cười thành tiếng,nhất là nơi công cộng. nhưng cũng khônng phải vì thế mà ta quên đi những tiếng cười trẻ trung, sảng khoái, ròn rã đầy tính chất bè bạn trong những cuộc vui chung, trong những khi gặp gỡ.

Quả thật, tiếng cười không đơn giản, hiểu nó và sử dụng nó càng khó hơn. Nhưng khó, không có nghĩa là không tạo ra được. Hãy cười để làm sao nụ cười, tiếng cười của chúng ta trở thành một kĩ niệm khó phai mờ, không chỉ đối với người yêu dấu như trong câu ca dao giản dị:

"Mình về mình nhớ ta chăng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười."

(Phạm Đức- Phụ nữ Việt Nam, số 40.1992)

Ví dụ 2: CÂY RƠM

Cây rơm đã cao và tròn nóc. Trên cọc trụ, người ta úp một chiếc nồi đất hoặc ống bơ để nước không theo cọc làm ướt từ ruột cây ướt ra.

Cây rơm giống như một túp lều không cửa, nhưng với tuổi thơ có thể mở cửa bất cứ ở nơi nào. Lúc chơi trò chạy đuổi, những chú bé tinh ranh có thể chui vào đống rơm, lấy rơm che cho mình như đóng cánh cửa lại.

Cây rơm như một cây nấm khổng lồ không chân. Cây rơm đứng tư mùa gặt này đến màu gặt tiếp sau. Cây rơm dâng dần thịt mình cho lửa đỏ hồng căn bếp, cho bữa ăn rét mướt của trâu bò.

Vậy mà nó vẫn nồng nàn hương vị và đầy đủ sự ấm áp của quê nhà.

Mệt mỏi trong công việc ngày mùa, hay vì đùa chơi, bạn sẽ sung sướng biết bao khi tựa mình vào cây rơm. Và chắc chắn bạn sẽ ngủ thiếp ngay, vì sự êm đềm của rơm, vì hương đồng cỏ nội đã sẵn đợi vỗ về giấc ngủ của bạn.(Phạm Đức)

Vd 3: NGƯỜI LÁI XE ĐÃNG TRÍ

Một người đàn ông hốt hoảng gọi điện tới đồn công an:

- Alô! Xin các anh đến giúp tôi ngay! Tôi đã khoá cửa xe cẩn thận nhưng bọn trộm vẫn đột nhập vào xe của tôi. Bọn bất lương ấy không chỉ ăn cắp tay lái mà chúng nó còn lấy luôn cả bàn đạp phanh. Thật không thể tưởng tượng nổi!

Lát sau, khi hai cảnh sát vừa được phái đi thì trực bạn của đồn lại nhận được một cú điện thoại:

- Xin lỗi vì đã làm phiền các anh. Hoá ra tôi ngồi nhầm vào hàng ghế sau.(theo Báo Mực tím)

2. Đặc điểm

Dù dung lượng văn bản dài ngắn thế nào thì nó cũng phải bảo đảm tính chỉnh thể.Tính chỉnh thể của văn bản thể hiện ở các mặt sau:

2.1.Về nội dung: mỗi văn bản phải trình bày được một nội dung trọn vẹn.Tính trọn vẹn về nội dung thể hiện ở chỗ:

- Người đọc tiếp nhận được nội dung thông báo
- Tất cả các câu trong văn bản đều tập trung thể hiện một chủ đề nhất định
- Toàn bộ nội dung trong văn bản mang chung một tiêu đề và có khả năng đặt tiêu đề chung

2.2. Về hình thức*:*Tính hoàn chỉnh về hình thức của văn bản thể hiện ở:

- Cấu trúc: mô hình cấu trúc đầy đủ nhất của một văn bản bao gồm: tiêu đề(Đ), phần mở(M),phần thân(A), phần kết (K). Tuy nhiên không phải bao giờ văn bản cũng đủ cả 4 phần. Dựa vào cấu trúc, người ta chia văn bản thành 4 loại:

+ [Đ]- M- A- K

+ [Đ]- M- A [ ]: có thể có hoặc không

+ [Đ]- A- K

+ [Đ]- A

→phần khai triển(A) là phần bắt buộc

- các thể thức mở đầu và thể thức kết thúc (đối với văn bản hành chính)

- ngoài ra tính hoàn chỉnh về hình thức của văn bản còn thể hiện ở chỗ: ***không cần*** thêm vào trước hoặc sau văn bản một câu hay một bộ phận nào khác để cho văn bản "hoàn chỉnh" hơn.

3. Các loại văn bản (văn bản viết)

Con người giao tiếp bằng văn bản .Căn cứ vào các lĩnh vực giao tiếp của xã hội, có thể phân biệt các loại văn bản sau:

- lĩnh vực giao tiếp khoa học : văn bản khoa học
- lĩnh vực giao tiếp hành chính : văn bản hành chính
- lĩnh vực giao tiếp chính luận : văn bản chính luận
- lĩnh vực giao tiếp tt đại chúng : văn bản báo chí

(hiểu theo nghĩa rộng giao tiếp thông tin đại chúng bao gồm: báo chí+ chính luận(chính luận báo chí: xã luận, bình luận, phóng sự + chính luận nghệ thuật: hịch,cáo tuyên ngôn…))

- lĩnh vực giao tiếp nghệ thuật: văn bản nghệ thuật

3.1. Văn bản khoa học: Đó là các văn bản dùng trong lĩnh vực khoa học với chức năng chủ yếu: thông tin- nhận thức.

Nó bao gồm các văn bản khoa học chuyên sâu: chuyên luận, luận án, luận văn,khoá luận, các công trình khoa học…, sách giáo khoa, giáo trình,tài liệu dạy học, các bài báo khoa học…, các hình thức tóm tắt khoa học, tổng thuật khoa học…

3.2. Văn bản hành chính (hành chính - pháp lí, hành chính - công vụ/ sự vụ) Đó là các loại văn bản dùng trong các hoạt động tổ chức, quản lý, điều hành xã hội và thực hiện sự giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với nhân dân và ngược lại; giữa các cơ quan nhà nước với nhau; giữa các tổ chức, đoàn thể xã hội với nhau và với quần chúng.

Nó bao gồm:

- văn bản pháp quyền: hiến pháp, pháp lệnh, nghị định, thông tư, thông báo, điều lệ, quy chế…

- văn bản hội nghị: biên bản, nghị quyết, báo cáo, đề án công tác…

- văn bản về thủ tục hành chính: đơn từ, công văn, chỉ thị, quyết định

- văn bản văn thư: văn bằng, hoá đơn, hợp đồng, giấy giới thiệu, bản tường trình

- văn bản ngoại giao: hiệp định, hiệp ước, nghị định thư…

- văn bản quân sự: mệnh lệnh, điều lệnh, kế hoạch quân sự…

Văn bản hành chính có tính chính xác, minh bạch, khách quan, khuôn mẫu

Chức năng: thông báo, hướng dẫn, chế tài

3.3. Văn bản chính luận: là loại văn bản dùng để trình bày, bình luận, đánh giá (theo một quan điểm nhất định) những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, tư tưởng, văn hoá…

- Văn bản chính luận có tính trí tuệ, tính thuyết phục, tính đại chúng.

- Chức năng: thuyết phục, lôi cuốn, động viên, hiểu-tin-hành động.

- Nó bao gồm các văn bản: lời kêu gọi, bản hiệu triệu, cương lĩnh, tuyên ngôn, bài bình luận, xã luận.

3.4. Văn bản nghệ thuật:là loại văn bản sử dụng ngôn từ làm chất liệu nghệ thuật.bao gồm: các tác phẩm văn chương thuộc các thể loại: văn xuôi(truyện, kí, tuỳ bút…), thơ(tự sự,trữ tình), kịch(bi kịch, hài kịch, chính kịch)

- Chức năng: tác động thẩm mỹ thông qua hình tượng nghệ thuật

3.5. Văn bản báo chí: bao gồm: bản tin, phóng sự, bài phỏng vấn, bài ghi chép…Chức năng: thông tin- định hướng dư luận xã hội

BÀI TẬP:

1. Tập hợp nào dưới đây là văn bản? Vì sao?

a .Có chí thì nên

b. Huế là một thành phố đẹp. Đẹp thì mọi người chiêm ngưỡng. Nhưng biết chiêm ngưỡng phải biết bảo vệ. Bảo vệ là công việc nặng nhọc ít người

muốn làm.Làm việc cần cù là đức tính tốt đẹp của người lao động. Lao động mới làm ra của cải vật chất.Không có của cải vật chất thì con người khó tồn tại. Tồn tại là một khái niệm triết học.

b. Một nhạc sĩ mới vào nghề đưa một bản nhạc cho một giáo sư âm nhạc nổi tiếng xem, góp ý.

Giáo sư xem xong và nói:

- Trong bản nhạc của anh có nhiều chỗ hay và mới.

Nhạc sĩ trẻ hí hửng ra mặt. Nhưng vị giáo sư nói tiếp:

- Tiếc thay, chỗ nào hay thì không mới, mà chỗ nào mới thì không hay.

d. Sinh viên nói không với ma tuý.

e. Một phép tắc lớn trong nghệ thuật là sự hài hoà. Sự hài hoà không nhất thiết phải là sự cân đối: có sự hài hoà của những cái tương ứng và có cả sự hài hoà của những cái tương phản. Về các vị ăn, có những sự phối hợp thật lí thú: có món sườn xào chua ngọt, có quả ô mai chua mặn. Ở Huế, đồng bào nấu chè thường cho một tí muối vào(…) để tăng cái vị ngọt lên. về màu sắc của sự may mặc, trênmột bộ quần áo Âu phục, có thể thắt một cái cà vạt theo sự hài hoà tương ứng(…) cũng có thể điểm một cái cà vạt theo sự hài hoà tương phản.(Xuân Diệu)

f. Tôi cùng bọn trẻ đi ra cánh đồng. buổi sáng tháng 9 mát mẻ và dễ chịu. tôi nói với các em:

- Các em hãy nhìn lên bầu trời mà xem. Mùa hè, mùa hè nó rất nóng và cháy lên những tia sáng của ngọn lửa. Còn bây giờ bầu trời thế nào? Hãy suy nghĩ và chọn những từ ngữ thích hợp để miêu tả nó.

Bọn trẻ nhìn lên bầu trời và suy nghĩ. Sau vài phút, một em nói:

- Bầu trời xanh như mặt nước mệt mỏi trong ao.
- Vì sao mặt nước lại mệt mỏi? tôi hỏi lại.
- Thưa thầy, mùa hè nước dạo chơi cùng những làn sóng. Mùa thu, nó mệt và đứng lại với màu xanh nhạt. Nó mệt mỏi!

Những em khác tiếp tục nói:

- Bầu trời được rửa mặt sau cơn mưa.
- Bầu trời xanh biếc.

Cô bé Valia nhỏ nhắn đứng trầm ngâm một chỗ. Tôi hỏi:

- Còn em, Valia, sao em lặng im thế?
- Em muốn nói bằng những từ ngữ của mình.
- Em đã tìm được câu nào chưa? Tôi hỏi
- Bầu trời dịu dàng- Valia khẽ nói và mỉm cười

Sau đó, mỗi em đều muốn nói về bầu trời bằng từ ngữ của riêng mình:

- Bầu trời buồn bã. Những đám mây xám đang từ phương Bắc trôi tới.
- Bầu trời trầm ngâm. Nó nhớ tiếng hót của bầy chim sơn ca.
- Bầu trời ghé sát mặt đất. Mùa hè nó cao hơn và có những con chim én bay liệng. Còn bây giờ chẳng có chim én nữa, vì thế ibầu trời cúi xuống lắng nghe để tìm xem chim én đang ở trong bụi cây hay ở nơi nào.***(Bầu trời mùa thu***- theo Xukhôm linxki- Mạnh Hưởng dịch)

g. Bé Thu rất khoái ra ban công ngồi với ông nội, nghe ông rủ rỉ giảng về từng loài cây.

Cây quỳnh lá dày, giữ được nước, chẳng phải tưới nhiều. Cây hoa tigôn thích leo trèo, cứ thò những cái râu ra, theo gió mà ngọ nguậy như những cái vòi voi bé xíu. Cây hoa giấy mọc ngay bên cạnh bị nó cuốn chặt một cành. Những chiếc vòi quấn chắc nhiều vòng, rồi một chùm tigôn hé nở. Cây đa Ấn Độ thì liên tục bật ra những búp đỏ hồng nhọn hoắt. Khi đủ lớn, nó xoè ra thành chiếc lá nâu rõ to, ở trong lại hiện ra cái búp đa mới nhọn hoắt, đỏ hồng… Có điều Thu chưa vui: cái Hằng ở nhà dưới cứ bảo ban công nhà Thu không phải là vườn!

Một sớm chủ nhật đầu xuân, khi mặt trời vừa hé mây nhìn xuống, Thu phát hiện ra chú chimm lông xanh biếc sà xuống cành

lựu. nó săm soi, mổ mổ mấy con sâu rồi thản nhiên rỉa cánh, hót lên mấy tiếng líu ríu. Thu vội xuống nhà Hằng, mời bạn lên xem để biết rằng: Ban công có chim về đậu tức là vườn rồi! Chẳng ngờ, khi hai bạn lên đến nơi thì chú chimm đã bay đi. Sợ Hằng không tin, Thu cầu viện ông:

- Ông ơi, đúng là có chú chim vừa đỗ ở đây bắt sâu và hót nữa ônng nhỉ!

Ông nó hiền hậu quay lại xoa đầu cả hai đứa:

- Ừ, đúng rồi! Đất lành chim đậu, có gì lạ đâu hả cháu?

(***Câu chuyện một khu vườn nhỏ***- theo Vân Long)

→tính quyết định một đơn vị có phải là văn bản hay không không phải ở chỗ ngắn dài mà ở chỗ:

- nó đã trọn vẹn chưa về nội dung
- đã hoàn chỉnh chưa về hình thức
- có hay chưa tính liên kết
- thực hiện được mục đích giao tiếp nào?

BÀI 7. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Tìm hiểu khái quát về văn bản

1.1. Đối tượng giao tiếp

Văn bản là sản phẩm được người viết tạo lập một cách có ý thức nhằm hướng tới đối tượng giao tiếp cụ thể. Tuỳ thuộc vào các lĩnh vực giao tiếp khác nhau mà mỗi văn bản có đối tượng giao tiếp riêng của nó. Chẳng hạn,văn bản khoa học có đối tượng giao tiếp là những người có trình độ chuyên môn nhất định. Nếu là văn bản báo chí thì đối tượng giao tiếp sẽ là công chúng, nếu là văn bản hành chính thì đối tượng giao tiếp sẽ là các tổ chức, cá nhân… với tư cách là những tập thể, những thành viên của xã hội…Trong khi đó, đối tượng giao tiếp mà văn bản nghệ thuật hướng đến là những người tham gia vào đời sống văn học.

1.2. Nội dung giao tiếp

Tiếp nhận một văn bản ,trước hết, chúng ta phải trả lời được 2 câu hỏi:

1) văn bản này viết về cái gì? (hay đề tài của văn bản là gì?)

2) Vấn đề trung tâm của văn bản là gì? (hay chủ đề của văn bản là gì?)

Câu hỏi thứ nhất quan tâm đến mảng hiện thực khách quan được phản ánh trong văn bản .Mảng hiện thực này rất phong phú, đa dạng. Đó có tượng,một sự kiện, một vấn đề… được tác giả quan tâm.

Tuy nhiên, nắm được đề tài thôi là chưa đủ. Vì văn bản không bao giờ phản ánh hiện thực một cách đơn thuần. Trong khi phản ánh, người viết luôn hướng tới một chủ đề nào đấy. Vì vậy, người đọc cần phải phân tích cách xử lí đề tài của người viết để đoán định được vấn đề trọng tâm, cái đích mà người viết muốn hướng tới. Đó là lí do khiến anh phải tiếp tục trả lời cho được câu hỏi thứ 2: với hiện thực đó(với đề tài đó) người viết quan tâm đến vấn đề gì?(bởi vì cùng một hiện thực khách quan- cùng một đề tài- nhưng có thể nhìn nhận, đánh giá, xử lí khác nhau ở mỗi người dẫn đến sự khác nhau về chủ đề(câu chuyện về vũng nước, về đề tài nông dân trong sáng tác của Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan).

→ Chủ đề của văn bản là vấn đề trọng tâm, là cái đích mà người viết " nhắm" tới. Nó thường không phải là cái được nói thẳng ra mà là cái được suy ra, nhận ra đằng sau cách lựa chọn, xử lí đề tài

Trở lại văn bản " Hàm răng và nụ cười" ta thấy:

- đề tài: bàn về nụ cười của con người trong cuộc sống
- chủ đề: thông qua việc bàn luận về nụ cười(cái duyên+ cái vô duyên) tác giả nhằm là cho độc giả hiểu rõ tiếng cười, trên cơ sở đó mà biết cười đúng cách, đúng lúc để phát tiết cái duyên của con người

1.3. Mục đích giao tiếp

Ngoài cái đích cụ thể mà người viết hướng tới(thông qua chủ đề), mỗi loại văn bản thuộc các lĩnh vực giao tiếp khác nhau sẽ có mục đích của riêng nó. Vdụ:

- mục đích giao tiếp trong văn bản khoa học: thông báo những thông tin khoa học
- mục đích giao tiếp trong văn bản hành chính: thông báo, hướng dẫn, chế tài
- mục đích giao tiếp trong văn bản nghệ thuật: giáo dục thẩm mĩ
- mục đích giao tiếp trong văn bản báo chí: thông tin, định hướng dư luận xã hội
- mục đích giao tiếp trong văn bản chính luận: tác động đến lí trí+ tình cảm nhằm giúp cho người nghe hiểu - tin- hành động

2. Phân tích đoạn văn

Khi tìm hiểu khái quát về văn bản, ta mới sơ bộ hình thành những dự cảm ban đầu về văn bản trên những nét lớn. Muốn khẳng định những điều này, chúng ta cần tiếp tục đi sâu vào phân tích các bộ phận của văn bản. Đầu tiên chúng ta đi vào phân tích đoạn văn bản vì *chúng là đơn vị trực tiếp cấu tạo nên văn bản.*

Khi phân tích đoạn văn, chúng ta cần làm rõ những vấn đề sau:

- tìm ý chính của đoạn

- tìm hiểu cấu trúc đoạn
- tìm hiểu cách lập luận trong đoạn
- tìm hiểu tính liên kết giữa các câu trong đoạn

Đoạn văn vừa là sự phân đoạn nội dung vừa là sự phân đoạn hình thức. Về mặt nội dung, đoạn văn phải đảm nhận một chức năng nhất định về nghĩa. Về hình thức, đoạn văn luôn hoàn chỉnh, tính hoàn chỉnh này thể hiện ở chỗ: chữ mở đầu đoạn văn phải viết hoa+ lùi đầu dòng và phải có dấu chấm cuối đoạn để kết thúc đoạn.

→ *Đoạn văn là đơn vị cơ sở, trực tiếp cấu thành văn bản, đứng trên câu, diễn đạt một nội dung nhất định, được mở đầu bằng chỗ lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm ngắt đoạn.*

2.1. Tìm ý chính của đoạn văn

Mỗi đoạn văn thường có một ý chính. Ý chính của đoạn là ý bao trùm, ý chung mà tất cả các câu trong đoạn đều tập trung thể hiện. Nói cách khác, ý chính là bao trùm, ý được rút ra từ các câu trong đoạn.

Có hai trường hợp thể hiện ý chính:

+ Trường hợp đoạn văn có các câu chủ đề

+ Trường hợp đoạn văn không có câu chủ đề (chủ đề ẩn)

2. 1.1. Đối với trường hợp đoạn văn có câu chủ đề

Tìm ý chính của đoạn văn thực chất là đi tìm câu chủ đề vì câu chủ đề là câu nêu nội dung khái quát, gần trùng với ý chính của cả đoạn.

Câu chủ đề có thể đúng ở các vị trí: đầu - cuối hoặc giữa đoạn.

a. Câu chủ đề đứng ở đầu đoạn

VD1: *Sét rất nguy hiểm.* Do cường độ dòng điện trong tia sét và áp suất không khí xung quanh tia sét rất lớn, sét có thể đánh chết người và phá hoại các công trình kiến trúc. Người ta tổng kết trong 33 năm của thế kỷ XVIII, sét đã đánh vào 386 gác chuông nhà thờ, nhiều khi giết chết luôn cả những người kéo chuông, những người mà khi còn sống họ vẫn tin rằng tiếng chuông nhà thờ có thể đẩy lùi được bão táp.

(Nguyễn Đức Minh - Hỏi đáp về những hiện tượng vật lý)

VD2: *Thác Yali, thắng cảnh trên lừng chừng trời*. Thác có độ dốc thẳng đứng, chảy mòn đá, tạo thành 12 bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt đất. Nước trút từ trên trời xuống, tạo nên một biển mù đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta đang dát một mẻ vàng vừa luyện xong. (Thiên Lương - *Thác Yali*)

b. Câu chủ đề ở cuối đoạn

VD1: Thơ *Nhật ký trong tù* có bài hồn hậu, trong trẻo như thơ dân gian. Lại có bài trang trọng, bát ngát như thơ Đường, thơ Tống. Giữ cốt cách Á Đông mà hơi thơ vẫn rất hiện đại. Giản dị, phong phú mà vẫn có phong cách riêng. ***Nhật ký trong tù*** *là một tập thơ có nghệ thuật đặc sắc.*

(Văn 12, tập 1*,* Giáo dục 96*)*

VD2: Cách chống nạn đói chia làm mấy hạng: như cấm nấu rượu bằng gạo hay bắp, cấm các thứ bánh ngọt... để cho đỡ tốn ngũ cốc. Như vùng này san sẻ thức ăn cho vùng khác, đỡ đần cho các vùng khác.Như ra sức tăng gia trồng trọt các thứ rau khoai... *Nói tóm lại, bất cứ cách gì, hễ làm cho dân đỡ đói lúc này là ngăn ngừa nạn đói mùa sau, chúng ta đều phải làm cả.*

(Hồ Chí Minh)

c. Câu chủ đề ở giữa đoạn

VD1: Nhìn chung, khi người chiến sĩ trong Tố Hữu cất bước lên đường đấu tranh cho lý tưởng cách mạng, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng là khi con người nhà thơ trong Tố Hữu cất tiếng thơ để phục vụ cách mạng. *Từ ấy, con người chiến sĩ và con người thi sĩ trong Tố Hữu tuy hai mà một, thống nhất biện chứng với nhau.* Con người chiến sĩ đã chắp cánh cho con người thi sĩ và con người thi sĩ đã làm cho con người chiến sĩ có thêm một vũ khí đấu tranh trên con đường hoạt động cách mạng của mình.

(Giới thiệu thơ Tố Hữu, GD,1974*)*

Chú ý:

- Loại đoạn văn có câu chủ đề ở giữa đoạn khó viết và ít được sử dụng, vì vậy, trong bước đầu luyện tập và xây dựng đoạn văn, chúng ta nên luyện viết đoạn văn có câu chủ đề đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.

- Có trường hợp đoạn văn chứa câu chủ đề kép. Câu chủ đề kép có hai loại

+ *Loại 1:* Đoạn văn có một câu đứng đầu đoạn nêu nhận xét chung khái quát; một câu đứng cuối đoạn nêu ý kết thúc, khép lại nội dung toàn đoạn.

VD: ***TV của chúng ta rất đẹp, đẹp như thế nào đó là điều rất khó nói***. Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào, cũng như không thể nào phân tích cái đẹp của ánh sáng thiên nhiên. Nhưng đối với chúng ta là người Việt Nam, chúng ta cảm thấy và thưởng thức một cách tự nhiên cái đẹp của tiếng nước ta, tiếng nói của quần chúng nhân dân trong ca dao và dân ca, lời văn của các nhà thơ lớn. ***Có lẽ TV của chúng ta đẹp, bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quí, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.***

(Phạm Văn Đồng)

+ *Loại 2:* Ghép 2 đoạn thành 1 đoạn(vì những mục đích nhất định). Hai đoạn này có mối liên hệ với nhau, hướng đến 1 chủ đề lớn.

VD: ***Nghệ thuật thơ trong Nhật ký trong tù rất phong phú.***Có bài là lời phát biểu trực tiếp, đọc hiểu ngay. Có bài lại dùng lối ngụ ngôn rất thâm thuý. Có bài tự sự, có bài trữ tình hay vừa tự sự vừa trữ tình. Lại có bài châm biếm. ***NT châm biếm cũng rất đa dạng.***Khi là tiếng cười mỉa mai, khi là tiếng cười phẫn nộ, cũng có khi đằng sau nụ cười là nước mắt.

*(*Trích *Văn học 10,* tập 1,1978*)*

(Đoạn này có thể tách làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1 chứa chủ đề lớn: ***Nghệ thuật thơ trong Nhật ký trong tù rất phong phú***

+ Đoạn 2 chứa chủ đề bộ phận: ***NT châm biếm cũng rất đa dạng***

Như đã nói, mỗi đoạn văn thường có 1 ý chính (một chủ đề) nghĩa là trong suốt quá trình triển khai viết đoạn văn, chúng ta chỉ nên tập trung nói tới ý chính đó. Tuy nhiên, trên thực tế, trong một đoạn văn, chúng ta vẫn có thể nêu ra hai ý. Nhưng điều chúng ta cần chú ý là hai ý này nếu đưa vào trong cùng một đoạn văn thì chúng phải có quan hệ mật thiết với nhau, thường thì ý này làm nền, làm nổi bật cho ý kia (Loại 2 của đoạn văn có câu chủ đề kép là một ví dụ).Tuy nhiên, để luyện viết đoạn văn được tập trung, trong giai đoạn đầu, chúng ta chỉ nêu tập trung viết đoạn văn thể hiện một ý chính duy nhất.

2.1.2. Đối với trường hợp đoạn văn không có câu chủ đề (chủ đề ẩn)

Đoạn văn không có câu chủ đề là đoạn văn không có câu nào biểu hiện ý chính của đoạn. Chủ đề (ý chính) của loại đoạn văn này thể hiện rải ra trong tất cả các câu, mỗi câu thể hiện một khía cạnh nào đấy của ý chính cả đoạn.

Đối với loại đoạn này, muốn tìm ý chính, ta cần tìm hiểu các ý bộ phận của từng câu, rồi khái quát chúng thành ý chung nhất bằng cách dồn nén thông tin vào trong một câu.

VD1: Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước và thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.*(Hồ Chí Minh)*

$\Rightarrow$ Ý chính của đoạn: *Thực dân Pháp gây ra nhiều tội ác đối với phong trào yêu nước của nhân dân ta.*

VD2: Xuân Hương là kết tinh của truyền thống và kết tinh của thời đại, của bác học và của bình dân. Xuân Hương là điểm hội tụ, hay đúng hơn là sự khúc xạ đời phụ nữ nói chung trên cuộc đời riêng của bản thân bà. Xuân Hương dám sống thực trọn vẹn với con người của mình và ý thức một cách đầy đủ về tài năng và về cảnh ngộ của mình. *(Nguyễn Lộc)*

2.2. Tìm cấu trúc

Một đoạn văn ở dạng hoàn chỉnh nhất thường có 3 phần:

- Phần mở đoạn (m)

- Phần thân đoạn / phần khai triển (a)

- Phần kết đoạn (k)

Tuy nhiên không phải lúc nào viết đoạn văn cũng cần đủ 3 phần. Phần a (phần khai triển) bao giờ cũng có (dù đoạn chỉ có 1 câu). Những phần còn lại có thể vắng mặt.

- *Đoạn văn đầy đủ 3 phần.*

(m)Văn học dân gian đã đem lại những hiểu biết cực kỳ phong phú và đa dạng về cuộc sống nhân dân các thời đại. (a)Văn học dân gian cho ta thấy rõ quan niệm về vũ trụ, về nhân sinh, những kinh nghiệm sản xuất, những tập quán lao động, những quan hệ họ hàng, làng nước, những tín ngưỡng, những phẩm chất đạo đức và những tình cảm nhiều mặt trong đời sống con người. Điểm đáng quý ở đây là tính cổ xưa và tính nguyên sơ của nó. ***(k)Người đời nay và mai sau có thể qua văn học dân gian mà tái hiện đời sống tinh thần của nhân dân trong quá khứ***. *(SGK Văn 10)*

- *Đoạn văn có cấu trúc m- a*

(m)Tôi quyết trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. ***(a)***Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng lúc một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu. *(Hoài Thanh - Thi nhân Việt Nam)*

- *Đoạn văn có cấu trúc A-K*

(a)Hiện nay, trình độ của đại đa số đồng bào ta không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài và in dài, thì giờ của ta, người lính đánh giặc, người dân đi làm, không cho phép xem lâu***.(k) Vì vậy, nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy***.

- *Đoạn văn có cấu trúc A*

Ca dao là bầu sữa nuôi dưỡng tuổi thơ (hát ru).Ca dao là hình thức trò chuyện tâm tình của những chàng trai, cô gái (hát ví, hát xoan, hát ghẹo). Ca dao là tiếng nói biết ơn, tự hào về công đức của tổ tiên và anh linh của những người đã khuất (bài ca lễ hội).

Chú ý: Ngoài bốn mô hình cấu trúc trên còn có loại đoạn ghép:

$$m_1 - a_1 - m_2 - a_2$$

VD: ***Nghệ thuật thơ trong Nhật ký trong tù rất phong phú.*** Có bài là lời phát biểu trực tiếp, đọc hiểu ngay. Có bài lại dùng lối ngụ ngôn rất thâm thuý, có bài tự sự, có bài trữ tình hay vừa tự sự vừa tự tình. Lại có bài châm biếm. ***NT châm biếm cũng rất đa dạng***, khi là tiếng cười mỉa mai, khi là tiếng cười phẫn nộ, cũng có khi đằng sau nụ cười là nước mắt".

(Trích văn học 10, tập 1, 1978*)*

2.3. Tìm hiểu cách lập luận (trong đoạn văn và trong văn bản)

Mục đích cuối cùng của văn bản là tác động vào nhận thức người đọc, thuyết phục họ tin vào những điều được trình bày. Do đó, lập luận có vai trò hết sức quan trọng.

2.3.1. Khái niệm về lập luận

Lập luận có thể hiểu là chiến lược trình bày vấn đề, là cách sắp xếp nội dung sao cho đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất. Nói cách khác, lập luận là cách sắp xếp trình bày các lý lẽ và dẫn chứng một cách chặt chẽ, đầy đủ có hệ thống, nhằm dẫn dắt người đọc, người nghe đi đến một kết luận nào đấy mà người viết, người nói muốn đạt tới (để khẳng định, bênh vực, chứng minh hay bác bỏ một vấn đề, một ý kiến nào đấy).

2.3.2. Một số phương pháp lập luận thường gặp

a. Phương pháp quy nạp

Là cách lập luận đi từ cái riêng, cái cụ thể, cái bộ phận đến cái chung, cái tổng quát, cái toàn thể.

VD1: Những ngôi nhà cao tầng đang được hoàn thiện khẩn trương. Những tấm biển sặc sỡ trên đường phố quảng cáo cho những sản phẩm của các công ty danh tiếng. Những văn phòng đại diện đứng chen nhau ở các đường phố trung tâm. Những khách du lịch nước ngoài ngơ ngác ở các ngã 3, ngã 4... ***Đó là hình ảnh về một Hà Nội năng động, trẻ trung trong thời đổi mới.***

VD2: Ai trồng cây đào, cây mận thì mùa hè được bóng mát nghỉ, mùa thu được quả ngon ăn. Ai trồng cây lật lê thì mùa hè bóng mát không có, mùa thu chỉ được những chông gai. Cứ như vậy thì có phải là tại do cây mình trồng lúc trước không? Nay ông sở dĩ đến nỗi thế, là vì ông gây dựng cho những kẻ không ra gì. ***Cho nên người quân tử phải chọn người trước rồi sau mới gây dựng.***

b. Phương pháp diễn dịch

Là cách lập luận đi từ cái chung, cái khái quát, cái toàn thể đến cái riêng, cái cụ thể, cái bộ phận. Đây là cách lập luận ngược với quy nạp.

VD1: Từ một nhân vật hàng đầu của dòng nhạc lãng mạn những năm 40 trở thành những vật hàng đầu của dòng nhạc cách mạng những năm 50, ***Văn Cao là một tấm gương của người tri thức văn nghệ theo cách mạng "lột xác", "nhận đường"***. Không thể quan niệm âm nhạc cách mạng nếu không có những bài hát của Văn Cao: *Tiến quân ca, Công nhân ca, Ca ngợi Hồ Chủ Tịch, Tiến về Hà Nội, Bắc Sơn, Thăng Long hành khúc, Làng tôi, Ngày mùa, Trường ca Sông Lô*... Ở những bài hát này không hề có lý trí căng cứng, không hề hô khẩu hiệu, tất cả đều chân thành, đằm thắm. Và ngay cả ở những bản hành khúc, ông vẫn khiến người ta rưng rưng cảm động. Chất trữ tình, sự mơ mộng - một đặc tính của xã hội tỉnh lẻ và nông nghiệp - không hề làm giảm đi giá trị nhân văn trong các bài hát của ông.

VD2: ***Có thể nói rằng, nhất cử nhất động của Từ đều vượt khuôn khổ thường tình***. Khi Từ ra đi, hình ảnh của Từ là cánh chim hồng lướt gió tung bay, không phải là lớp bụi hồng cuốn vó chinh an của họ Thúc. Khi Từ

giận dỗi, đó là sấm sét đùng đùng nổi dậy, không phải là lời quát tháo ồn ào của viên tri phủ lập nghiêm. Đến khi từ giã cuộc sống, Từ lại không chịu nằm dài trên đất như kiểu thế nhân mà trồng thẳng đứng thành một trụ đá cột đồng không ai lay chuyển. *(Vũ Hạnh)*

c. Phương pháp phối hợp diễn dịch với qui nạp (tổng - phân - hợp)

Trong thực tế lập luận, người ta thường phối hợp diễn dịch với quy nạp để đưa nhận thức đến chỗ sâu hơn, cao hơn. Kiểu lập luận này tương ứng với bố cục 3 phần: *mở bài - thân bài - kết bài* của một văn bản và *mở đoạn - thân đoạn - kết đoạn* của một đoạn văn.

VD1: ***Toả ánh sáng của một tâm hồn lớn, Nhật ký trong tù cũng toả ánh sáng của một trí tuệ lớn.*** *Học đánh cờ* là tư tưởng chỉ đạo chiến lược, chiến thuật quân sự được hình tượng hoá mà thành thơ. *Cảm tưởng đọc thiên gia thi* là tuyên ngôn bằng thơ của thơ ca cách mạng và nhà thơ cách mạng. *Cột cây số, Nghe tiếng giã gạo* là những bài học lớn về đạo đức cách mạng. ***Thơ Nhật ký trong tù bài nào cũng lấp lánh ánh sáng của trí tuệ.***

(Trích 9 Văn 12)

d. Phương pháp song hành

Là phương pháp luận luận mà trong đó các ý trong đoạn có quan hệ ngang nhau, không có ý nọ bao trùm lên ý kia, không có nọ móc vào ý kia.

VD1: Hồ Đầm là những kho dự trữ nước để tắm giặt, chăn nuôi, tưới cho hoa màu. Hồ đầm cũng là nguồn cung cấp tôm cá. Hồ Đầm còn là những mỏ than bùn dùng để đốt và để bón ruộng. *(Địa lý lớp 6)*

VD2: Số việc làm tạo nên hàng gần đây đã xấp xỉ số người mới bổ sung vào lực lượng lao động. Đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy, lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ của đất nước, với Đảng và Nhà nước được khẳng định.

(Báo cáo của BCHTW tại ĐH8)

e. Phương pháp móc xích

Là cách trình bày ý nọ nối tiếp ý kia, ý của câu đi sau móc vào ý của câu đi ngay trước nó, và cứ như vậy cho tới khi kết thúc đoạn văn.

VD1: Đọc thơ Nguyễn Trãi nhiều người đọc khó mà biết có ***đúng*** là thơ Nguyễn Trãi không. ***Đúng*** là thơ Nguyễn Trãi rồi thì cũng không phải là dễ ***hiểu đúng***. Lại có khi chữ ***hiểu đúng***, câu ***hiểu đúng*** mà toàn bài ***không hiểu. Không hiểu*** vì không biết chắc bài thơ được viết ra lúc nào trong cuộc đời nhiều nổi chìm của Nguyễn Trãi. Cùng một bài thơ nếu viết năm 1420 thì một ý nghĩa, nếu viết năm 1430 thì ý nghĩa lại khác hẳn. *(Theo Hoài Thanh)*

Chú ý: Ngoài những cách lập luận phổ biến trên,để hình thành một đoạn văn người ta có thể lập luận theo lối so sánh, nhân quả, loại suy, nêu phản đề (ranh giới và giữa các phương pháp này chỉ có tính chất tương đối).

VD: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất. Muốn tăng gia sản xuất thì phải có kỹ thuật cải tiến. Muốn sử dụng tốt kỹ thuật thì phải có văn hoá. Vì vậy, công việc bổ túc văn hoá là cực kỳ quan trọng

→ lập luận ở đoạn văn trên có thể coi là: + kiểu nhân - quả liên hoàn

cũng có thể coi là: + kiểu móc xích

và cũng có thể coi là: + quy nạp

Kết luận

⇒***Đoạn văn có câu chủ đề:***

+ Ở đầu đoạn sẽ có cấu trúc m - a và là đoạn diễn dịch

+ Ở cuối đoạn sẽ có cấu trúc a - k và là đoạn qui nạp

+ Câu chủ đề kép sẽ có cấu trúc m - a - k và là đoạn tổng - phân - hợp

⇒ ***Đoạn văn không có câu chủ đề***: có cấu trúc a và là đoạn song hành

⇒ Cũng cần lưu ý thêm, có những đoạn văn , do yêu cầu diễn đạt mà người tạo lập văn bản đã linh hoạt viết câu chủ đề ở những vị trí khác 3 vị trí thông thường trên. Ví dụ

- Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng ***thân thuộc nhất vẫn là tre nứa***. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi... ***Đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.*(Thép Mới)**

- Hồ Chủ tịch đã qua đời. Nhưng ***Người đã để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý giá***. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỉ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỉ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.(*Điếu văn của BCH TW Đảng Lao động Việt Nam)*

2. 4. Tìm hiểu tính liên kết giữa các đoạn câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản

Một văn bản, một đoạn văn trong phải lả phép cộng đơn giản của các câu. Các câu trong văn bản, đoạn văn bản phải có mối liên hệ với nhau, cùng hướng đến một chủ đề, tạo thành một chỉnh thể không thể chia tách. Giá trị của mỗi câu được đặt trong mạng lưới của những mối quan hệ và liên hệ với những câu còn lại.

⇒ *Mạng lưới của các mối quan hệ, liên hệ về ngữ nghĩa và ngữ pháp tạo nên sự hoàn chỉnh về nội dung của văn bản gọi là tính liên kết*. Như vậy, liên kết là nhân tố có tác dụng biến một chuỗi câu thành văn bản. Nếu có nhiều câu mà các câu đó không có tính liên kết thì đó chỉ là tập hợp của những câu hỗn độn.

VD:

a. (1)Một nhà văn chẳng có tiếng tăm gì đột nhiên biến mất. (2)Tin này được truyền đi nhanh chóng. (3)Nơi nào người ta cũng bàn tán xôn xao về ông. (4)Người ta lôi tác phẩm đầy bụi của ông ra đánh giá, phê bình. (5) Ông được đón nhận, được ca ngợi. (6)Sách của ông được in và bán đắt như

tôm tươi. (7)Thế là ông nổi tiếng. (8)Một năm sau nhà văn xuất hiện. (9) Ông giải thích, ông đính chính. (10)Chẳng ai nghe ông cả. (11)Đối với họ, ông là nhà văn nổi tiếng đã mất tích. (Ngọc Thảo)

b. (1)Có thể nói Ba Vì và Tam Đảo là hai lá phổi khổng lồ của Hà Nội. (2)Đá vôi chồng lên đá vôi. (3)Một vùng đất trù mật. (4)Chúng nó lại trở về đông đủ. (5)Những năm bom đanh ác liệt, nơi đây vắng bặt cánh chim. (6)Cò từ phương tây bay tới. (7)Chim lót ổ ở đỉnh cao nghìn mét. (8)Én từ phương bắc bay tới.

Hai ví dụ trên, xét về cấu trúc cú pháp thì tất cả đều đúng. Thế nhưng chỉ ở ví dụ a, các câu mới có mối quan hệ, liên hệ chặt chẽ. Câu trước là nguyên nhân, là lí do để câu sau xuất hiện. Nếu tách bất kì câu nào ra khỏi chỉnh thể ấy thì những câu còn lại sẽ mất tính liên kết. Các câu trong ví dụ a phải được kết hợp với nhau theo thứ tự đã được đánh số như trên mới cho ta một nội dung thông báo hoàn chỉnh: Một nhà văn bình thường đã trở nên nổi tiếng nhờ mất tích.

Trong khi đó, các câu ở ví dụ b không có mối liên hệ, quan hệ gì với nhau cả sỡ dĩ như vậy là vì chúng không có tính liên kết, mỗi câu mang một nội dung riêng rẽ.

2.4.1. Liên kết nội dung

Liên kết nội dung văn bản được thể hiện ở các mặt:

a. Liên kết đề tài

Đề tài trong văn bản được quan niệm là những mảnh hiện thực của đời sống được tác giả nhận thức và trình bày trong văn bản.

Việc các câu cùng hướng tới một đề tài đã tạo thành mặt liên kết đề tài cho văn bản.

b. Liên kết chủ đề

Khi trình bày một hiện thực nào đó trong văn bản, người viết luôn thể hiện cách nhìn nhận, cách đánh giá của mình đối với hiện thực đó. Tất cả những chi tiết, những sự kiện được người viết đưa vào văn bản là một sự lựa

chọn chứ không phải là ngẫu nhiên. Chúng đều nhằm hướng đến việc làm nổi rõ cách nhìn nhận, đánh giá của người viết. Chính điều này đã tạo nên liên kết chủ đề.

c. Liên kết logic

Văn bản được xem có liên kết logic khi các câu trong văn bản phù hợp với nhau trong những quan hệ ngữ nghĩa nhất định. Liên kết logic thể hiện trên các mặt:

- *Logic hiện thực:* đó là sự liên kết được thực hiện bởi việc tôn trọng quy luật khách quan.

VD: hoa phượng, hoa sen → nở vào mùa hè
hoa quỳnh → nở về đêm
cá → sống trong nước
mưa nhiều → lũ lụt ...

- *Logic tự nhiên của một nền văn hoá:* Liên kết này đòi hỏi người viết phải tôn trọng những qui định, những lẽ thường của một nền văn hoá.

VD: Một ông thầy đồ lỡ đường xin cô chủ quán ở lại qua đêm. Cô chủ quán bảo:

- Nhà không có người. → vi phạm lôgic hiện thực

Thầy đồ đáp:

- Có cô đấy thôi. → vi phạm logic tự nhiên của nền văn hoá

Cô chủ quán bảo:

- Nhà không có đàn ông. → vi phạm logic hiện thực

Thầy đồ tiếp:

- Có tôi đấy thôi. → vi phạm logic tự nhiên của nền văn hoá

- *Logic của tư duy:* Thể hiện ở chỗ các ý trong đoạn văn phải được trình bày, sắp xếp theo đúng quy luật của nhận thức, của tư duy (phải tuân thủ các quy tắc của logic học).

2.4.2. Liên kết hình thức

Liên kết nội dung của văn bản, đoạn văn bản phải được thể hiện qua liên kết hình thức.

Liên kết hình thức là hệ thống các phương tiện ngôn ngữ được phối hợp với nhau theo những cách thức nhất định để diễn đạt sự liên kết về nội dung.

2.4.2.1. Phương thức/ phép liên kết

Là cách thức làm cho các câu trong văn bản liên kết với nhau.

a. Phép lặp:

Là cách dùng đi dùng lại nhiều lần 1 từ, 1 ngữ, 1 cấu trúc cú pháp nào đó. Việc lặp lại này nằm trong ***chủ ý*** của người viết chứ không phải lặp lại 1 cách vô thức.

Có hai loại lặp:

- Lặp từ vựng
- Lặp cấu trúc ngữ pháp

**** Lặp từ vựng:*** Câu sau lặp lại một số từ ngữ của câu đi trước.

VD: ***Làm cho*** cho mệt cho mê
Làm cho đau đớn ê chề cho coi.
Trước ***cho*** bỏ ghét những người
Sau ***cho*** để một trận cười về sau.

**** Lặp cấu trúc cú pháp:*** Câu đi sau lặp lại mô hình cấu trúc của câu đi trước (lặp toàn bộ hoặc bộ phận mô hình câu)

VD: - *Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.*
Tre giữ làng, giữ nước.
Tre giữ mái nhà tranh.
Tre giữ đồng lúa chín. (Thép Mới)

- *Chúng muốn đốt ta thành tro bụi*
Ta hoá vàng nhân phẩm lương tâm.

Chúng muốn ta bán mình ô nhục

Ta làm sen thơm ngát giữa đầm. (Tố Hữu)

b. Phép thế: Thể hiện ở chỗ khi một từ, 1 ngữ, 1 câu nào đó đã xuất hiện ở câu trước được thay bằng 1 từ, 1 ngữ, 1 câu nào khác có giá trị tương đương ở phần sau.

Có các loại thế:

**** Thế đại từ***(+ các từ ngữ thế): câu đi sau dùng các đại từ (nó, chúng nó, chúng, họ, đó, ấy) + các từ thay thế(từ đó, việc đó, điều này...) để thay thế cho 1 từ, 1 ngữ, một câu ở trước đó.

VD:

- Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. ***Đó*** là một truyền thống quý báu của ta. (HCM)

- Nguyễn Ái Quốc gặp Lênin qua *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* là cái mốc lịch sử cực kỳ quan trọng. ***Từ đó*** Cách mạng Việt Nam gắn liền với cách mạng thế giới. (Phạm Văn Đồng)

**** Thế đồng nghĩa, gần nghĩa:*** Câu đi sau có 1 từ, 1 cụm từ đồng nghĩa, gần nghĩa với 1 từ, 1 cụm từ của câu trước.Loại này lại chia làm mấy loại nhỏ:

- Đồng nghĩa từ điển:

vd: chết, bỏ mạng, từ trần, hi sinh, tạ thế...

ăn, xơi, mời, thời, dùng, ngoẻn, đớp, tọng, hốc...

Ô Tám Xẻo ***chết*** làm cho quân giặc khiếp sợ, sự ***hi sinh*** của ông khiến cho đồng bào quyết tâm hơn.

- *Đồng nghĩa phủ định*

Vd: Nó phải đi hết chỗ này đến chỗ nọ để kiếm cái nhét vào dạ dày.

Để nó ***sống***

Vì nó ***chưa chết***

- Đồng nghĩa mô tả

Vd: Nghe chuyện ***Phù Đổng Thiên Vương***, tôi tưởng tượng đến một tráng sĩ sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ và giản dị như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. ***Chàng trai Phù Đổng*** gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông ra trận, đem sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế, ***người anh hùng*** vẫn còn ăn một bữa cơm... Rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm.

- *Đồng nghĩa lâm thời*

Vd: + Bác đã ***lên đường*** theo tổ tiên

+ Đã ***ngừng đập một quả tim***

+ Đã ***ngừng đập một cánh chim đại bàng***

+ Bác đã ***đi*** rồi sao bác ơi

→chết

c. Phép nối

Là cách liên kết các câu trong đoạn văn, trong văn bản bằng các quan hệ từ (*nhưng, và, ...*); bằng từ ngữ có tác dụng chuyển tiếp: *một là, hai là,bên cạnh đó, ngoài ra, trái lại, một mặt thì, mặt khác thì, nhìn chung, nói tóm lại, rõ ràng là...*

Vd:

- Đã có cuộc đời là có văn học, cũng như hễ có đất, có nắng gió là có hoa lá, cỏ cây. ***Nhưng*** muốn cho cây cao bóng cả, muốn cho hoa thơm rực rỡ, muốn cho có trái lớn mà vị vẫn đậm đà thì không thể chỉ trông chờ vào khả năng tự nhiên của cây, của đất. (Lê Ngọc Trà)

- "...Nói tóm lại, phải có khen, cũng phải có chê. ***Nhưng*** khen hay chê đều phải đúng mức. Khen qua nhiều thì người được khen cũng hổ người. ***Mà*** chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thu. (Hồ Chí Minh)

d. Phép đối

Là cách liên kết mà giữa 2 câu chứa những từ, cụm từ có ý nghĩa đối lập nhau.

- Đối trái nghĩa (trái nghĩa từ điển)

Vd: ***- Người về*** chiếc bóng năm canh

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

- Xưa lệ xa ta oán hận đất trời

Nay lệ tràn ta lại thấy đời vui.

- Đối miêu tả

Vd: Địch quyết bắt tôi ***khuất phục.*** Nhưng tôi nhất quyết ***giữ vững lập trường***.

- Đối lâm thời

Vd: Chúng muốn đốt ta thành ***tro bụi***

Ta hoá ***vàng*** nhân phẩm lương tâm

- Đối phủ định

Vd: Đừng tưởng mọi chuyện đã giải phóng ***xong rồi. Chưa xong*** đâu. Tất cả chỉ mới bắt đầu.

e. Phép liên tưởng

Từ sự vật, hiện tượng có mặt trong câu này ta hình dung, liên tưởng đến sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi trong những câu tiếp theo. Đó là cơ sở hình thành nên phép liên tưởng. Có các loại liên tưởng sau:

**** Liên tưởng bao hàm***

Trong loại liên kết này, câu đầu của văn bản hay đoạn văn thường có nội dung định hướng cho toàn văn bản, đoạn văn bản. Những câu còn lại tập trung biểu đạt các khía cạnh, các biểu hiện khác nhau của nội dung đó.

Vd: Hoa mận vừa tàn thì ***mùa xuân*** đến. ***Bầu trời*** ngày thêm xanh. ***Nắng*** vàng ngày càng rực rỡ. ***Vườn cây*** lại đâm chồi nảy ***lộc.*** Rồi vườn cây ra ***hoa***. ***Hoa bưởi*** nồng nàn, ***hoa nhãn*** ngọt, ***hoa cau*** thoảng qua. Rồi vườn cây lại đầy ***tiếng chim và bóng chim*** bay nhảy. Những thím ***chích choè*** nhanh nhảu, những chú ***khướu*** lắm điều, những anh ***chào mào*** đỏm dáng, những bác ***cu*** gáy trầm ngâm.

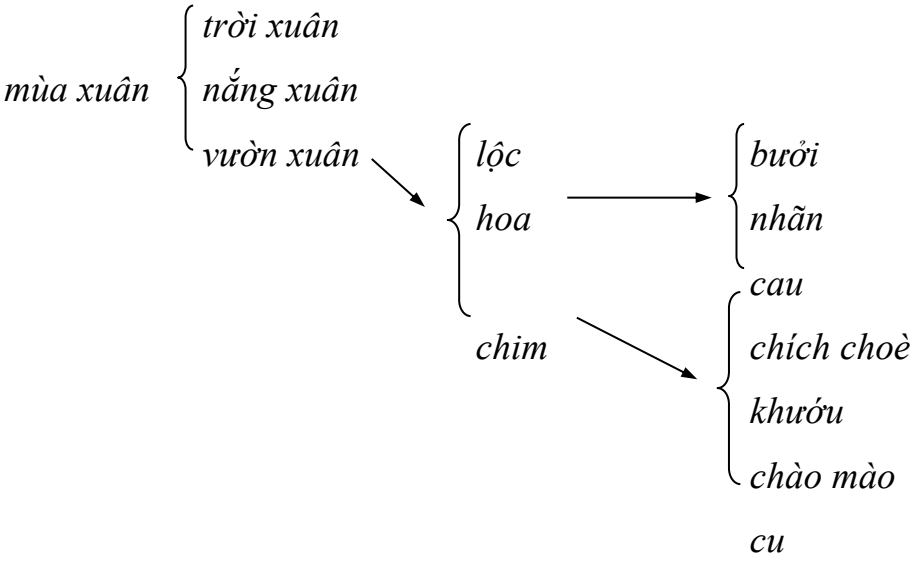
mùa xuân
trời xuân
nắng xuân
vườn xuân
lộc
hoa
bưởi
nhãn
chim
cau
chích choè
khướu
chào mào
cu

**** Liên tưởng đồng loại***

Trong sự liên kết này, các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất... đưa ra phải có quan hệ, bình đẳng với nhau.

Vd: Triệu Thị Trinh 19 tuổi đứng dậy diệt thù. Nguyễn Huệ 18 tuổi phất cao cờ đào khởi nghĩa.

**** Liên tưởng nhân - quả***

Vd: Từ năm 1931-1933, thực dân Pháp ***khủng bố*** tợn. Cán bộ và quần chúng ***bị bắt*** và ***hi sinh*** rất nhiều. (Hồ Chí Minh)

**** Liên tưởng định chức***

Vd: Suốt một năm đầu, y là một ***ông thầy*** rất tận tâm. Y ***soạn bài, giảng bài, chấm bài*** rất kỹ càng. (Nam Cao)

f. Phương thức dùng câu để liên kết

**** Dùng câu hỏi***

Vd: - *Mình về mình có nhớ ta?*

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

- Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.

- *Hạnh phúc là gì?* Một số người cho đó là sự thoả mãn. Trong chừng mực nhất định thì họ đúng. Một ngụm nước mát đối với người sắp chết khát - đó không đơn thuần chỉ là sự thoả mãn. Đó là hạnh phúc. Và ngay một mẩu bánh mì đối với những người sắp chết đói, một túp lều ấm cúng đối với người lữ khách lỡ đường cũng là hạnh phúc... *Còn hạnh phúc của chúng tôi và các bạn đó chẳng lẽ chỉ là sự thoả mãn thôi sao?* Dĩ nhiên không phải. (Theo tâm lý học lý thú)

**** Dùng câu cảm thán***

Câu cảm thán có thể được dùng như một phương tiện liên kết các câu trong văn bản. Lúc này nó được dùng không phải chỉ như một phương tiện thể hiện cảm xúc mà còn là một cách để bộc lộ chủ đề.

Vd: *Đẹp quá sức tưởng tượng!* Trăng tròn như cái đĩa bạc. Trăng sáng vằng vặc như gương. Trăng rơi bên bờ ao. Trăng tuôn đầy lối đi...

**** Dùng câu có tác dụng dẫn dắt, rào đón, đưa đẩy vấn đề***

Vd: *Bây giờ tôi xin nói qua vấn đề trong sáng.* Quan niệm về sự trong sáng cũng như quan niệm về dân tộc, không phải là một cái gì tuyệt đối cố định. Có sự trong sáng quay lại sau, lấy cha ông làm mẫu mực tuyệt đối, nhưng cũng có sự trong sáng nhìn ra trước, mở đường đi cho con cháu mai sau. Có sự trong sáng dân tộc hẹp hòi, chỉ biết say mê ngắm nhìn dân tộc mình, nhưng có sự trong sáng đặt dân tộc mình là một bộ phận của nhân loại.(...) *(*Chế Lan Viên)

**** Liên kết bằng cách dùng câu tỉnh lược***

Những câu đứng đầu văn bản, đoạn văn thường là những câu có thể làm chỗ dựa về mặt ngữ pháp cũng như ngữ nghĩa cho các câu tiếp theo. Vì vậy, các câu sau có thể lược đi một vài thành phần nào đó mà người đọc vẫn nhận biết được ý nghĩa mà chúng thể hiện.

Vd: *Bà ấy mệt quá. Không lê được một bước. Cơ chừng tiếc của. Cơ chừng hết hơi.*

2.4.2.2. Phương tiện liên kết

Phương thức nào thì phương tiện ấy.Ví dụ:

- Nếu phương thức liên kết là phép lặp → phương tiện liên kết là từ ngữ được lặp

Vd: Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế cứ rượu xong là hắn chửi...Hắn bắt đầu chửi trời...chửi đời... chửi cả làng Vũ Đại.

(phương thức liên kết: phép lặp từ vựng→ phương tiện liên kết: *hắn, chửi)*

- Nếu phương thức liên kết là phép lặp cấu trúc→phương tiện liên kết là mô hình cấu trúc được lặp lại

- Nếu phương thức liên kết là phép tỉnh lược→phương tiện liên kết là yếu tố zero ở vị trí của bộ phận bị tỉnh lược

- Nếu phương thức liên kết là câu hỏi tu từ, câu cảm thán, câu đưa đẩy→phương tiện liên kết là câu hỏi tu từ, câu cảm thán, câu đưa đẩy ấy.

- Nếu phương thức liên kết là phép nối→phương tiện liên kết là từ nối.